

VĂN PHÒNG

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH/BC-ĐDBQH

Số: 738.....

Đến ngày: 01/10/2018

K.chuyển:.....

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả giải quyết và trả lời của các Bộ, ngành Trung ương về những kiến nghị cử tri Thanh Hoá gửi đến Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV

Thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thứ năm, Quốc hội khoá XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hoá đã tổng hợp được hơn 70 nhóm ý kiến, kiến nghị thuộc các lĩnh vực: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội, Xây dựng pháp luật của cử tri Thanh Hoá gửi đến các cơ quan chức năng của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

Tính đến hết tháng 9/2018 đã có 21 cơ quan chức năng trả lời bằng văn bản về 58 nhóm ý kiến, kiến nghị mà cử tri nêu (gồm Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Ủy ban Dân tộc, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội), đạt gần 83%. Kết quả giải quyết, trả lời cử tri của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đã được đăng tải kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và trên website của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Còn lại 12 ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XIV đang được các cơ quan chức năng ở Trung ương xem xét giải quyết.

Sau đây là tổng hợp kết quả giải quyết và trả lời của các cơ quan chức năng:

I. VỀ KINH TẾ

1. Cử tri đề nghị được áp dụng khoảng cách theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trại chăn nuôi gia súc lớn.

Trả lời: (Công văn số 6306/BNN-CN ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị của cử tri trước Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá XIV)

1. Theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9121:2012 Trại chăn nuôi Gia súc lớn- Yêu cầu chung được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2012: Khoảng cách từ trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 200m.

Theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006 QH11: TCVN 9121:2012 Trại chăn nuôi gia súc lớn - Yêu cầu chung chỉ khuyến khích áp dụng.

2. Theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường: Tất cả các dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại từ 1.000m² trở lên thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường. Vì vậy, tỉnh Thanh Hóa căn cứ vào điều kiện thực tế, báo cáo đánh giá tác động môi trường và tham khảo áp dụng về khoảng cách theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9121:2012 Trại chăn nuôi gia súc lớn - Yêu cầu chung để quyết định cho phù hợp.

2. Hiện nay, một số tuyến đê từ cầu De đi cảng cá Hoà Lộc và các xã Hưng Lộc, Đa Lộc, huyện Hậu Lộc đã xuống cấp nghiêm trọng, đề nghị Chính phủ đầu tư cứng hoá mặt đê, thân đê để phục vụ công tác phòng chống bão lụt và thuận tiện cho nhân dân đi lại.

Trả lời: (Công văn số 6505/BNN-PCTT ngày 22/8/2018 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Trong những năm vừa qua, Chính phủ và Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn đã rất quan tâm công tác đầu tư, xây dựng, nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển tỉnh Thanh Hóa để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân trước thiên tai bão lũ, trong đó có huyện Hậu Lộc. Tính đến tháng 12/2017, hệ thống đê sông tỉnh Thanh Hóa đã được đầu tư 3.166 tỷ đồng; hệ thống đê biển đã được đầu tư 1.460 tỷ đồng theo các Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 và Chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006. Ngoài ra, Chính phủ đã bố trí 461 tỷ đồng từ Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu

và tăng trưởng xanh cho tỉnh Thanh Hóa để thực hiện các giải pháp bảo vệ đê biển như trồng, phục hồi rừng ven biển, kè chống sạt lở bảo vệ bờ, đê biển.

Bên cạnh đó, trước ảnh hưởng của mùa lũ, bão hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều báo cáo Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ kinh phí cho tỉnh khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý hư hỏng công trình đê điều. Năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định hỗ trợ cho tỉnh Thanh Hóa 295 tỷ đồng. Sau mùa lũ, bão năm 2017, Bộ cũng đã tiếp tục cùng các địa phương rà soát hiện trạng hệ thống đê điều, các khu vực đê sông, đê biển xung yếu báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ bố trí kinh phí để xử lý khắc phục. Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý sử dụng 1.800 tỷ đồng nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 để xử lý cấp bách các công trình đê điều, hồ chứa thủy lợi bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017 ở một số địa phương trong đó có tỉnh Thanh Hóa (thông báo số 213/TB-VPCP ngày 09/6/2018 của Văn phòng Chính phủ).

Đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên để tiếp tục nâng cấp, xây dựng các tuyến đê biển bằng các nguồn kinh phí đã được hỗ trợ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành và Tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ cho Tỉnh.

3. Dự án đóng tàu theo Nghị định 67 của Chính phủ đã triển khai thực hiện, nhưng do nguồn lợi thủy sản từ biển dần cạn kiệt, một số tàu hoạt động hiệu quả thấp, do đó việc hoàn vốn cho ngân hàng gặp khó khăn. Đề nghị Chính phủ kéo dài thời hạn trả vốn để tạo điều kiện cho ngư dân an tâm sản xuất.

Trả lời: (Công văn số 6110/NNHN-VP ngày 13/8/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ quy định thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu là 11 năm. Trên cơ sở Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014 hướng dẫn các ngân hàng thương mại thực hiện, trong đó quy định thời hạn cho vay đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ. Tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ do ngân hàng thương mại và chủ tàu thỏa thuận, nhưng thời gian được Nhà nước hỗ trợ lãi suất không quá 11 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ nhu cầu của chủ tàu, ngân hàng thương mại và đề nghị của một số địa phương, tại Nghị định số 89/2015/NĐ - CP ngày 07/10/2015, Chính phủ đã cho phép kéo dài thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất là từ 11 năm lên 16 năm đối với tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới để giảm bớt áp lực trả nợ cho ngư dân.

4. Các xã ven biển đất chật, người đông, nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng, cấp đất ở cho nhân dân rất khó khăn, đề nghị Chính phủ có chủ trương đầu tư dự án quai đê lấn biển để mở rộng diện tích.

***Trả lời:** (Công văn số 5342/BKHĐT-TH ngày 3/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển hiện có tại các tỉnh có đê từ Quảng Ninh đến Quảng Nam giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện chức năng “quản lý nhà nước, quản lý quy hoạch về công tác cải tạo, xây dựng các công trình đê biển phù hợp với quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch chung của hệ thống đê biển”. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về đề xuất nêu trên.

5. Đề nghị Chính phủ có chính sách hỗ trợ, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi và phục vụ sản xuất cho nhân dân các xã vùng lõi Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

***Trả lời:** (Công văn số 5342/BKHĐT-TH ngày 3/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Việc hỗ trợ phát triển cộng đồng các khu rừng đặc dụng được quy định tại Điều 8, Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020. Theo đó, ngân sách Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng dân cư thôn, bản vùng đệm để cùng tham gia quản lý rừng đặc dụng; mức hỗ trợ mỗi thôn bản là 40 triệu đồng/thôn, bản/năm. Khoản kinh phí này được chi cho các nội dung: đầu tư nâng cao năng lực phát triển sản xuất (khuyến nông, khuyến lâm, giống cây, giống con, thiết bị chế biến nông, lâm sản quy mô nhỏ); hỗ trợ vật liệu xây dựng cho thôn, bản (đối với các công trình công cộng của cộng đồng như nước sạch, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa...).

Đối với việc hỗ trợ, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi khác phải lồng ghép các nguồn vốn khác để thực hiện.

6. Cử tri huyện Thường Xuân đề nghị chỉnh mức đầu tư cho xã biên giới để từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn tại khu vực biên giới quốc gia.

Trả lời: (Công văn số 5531/BKHĐT-TH ngày 13/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 thì ưu tiên đầu tư tất cả các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Việc hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho các xã này trong giai đoạn 2016-2020 được thực hiện theo cơ chế tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020. Trường hợp các địa phương huy động được các nguồn lực hợp pháp khác thì ưu tiên bố trí đầu tư cho các xã này để sớm hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn tại khu vực biên giới quốc gia.

7. Cử tri huyện Thường Xuân đề nghị có chương trình nước sạch cho 4 bản giáp biên giới với nước CHDCND Lào, gồm Bản Khẹo, bản Đục, bản Vịn và bản Ruộng.

Trả lời: (Công văn số 5762/BNN-TCTL ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị của cử tri trước Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Bản Khẹo, Bản Đục, Bản Vịn và Bản Ruộng là những bản giáp biên giới nước bạn Lào thuộc xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. Nước sinh hoạt của người dân chủ yếu lấy từ các suối trong vùng chưa qua xử lý hoặc xử lý thô sơ không bảo đảm yêu cầu nước hợp vệ sinh. Vì vậy, việc có chương trình nước sạch cho các bản nêu trên là nhu cầu chính đáng và cần thiết.

Trong giai đoạn 2016-2020, cấp nước sinh hoạt nông thôn là một nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (Quyết định 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016). Theo quy định, việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm bao gồm cả kinh phí dự phòng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội

tỉnh Thanh Hóa kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng công trình cấp nước tập trung hoặc hỗ trợ thiết bị trữ nước, xử lý nước hộ gia đình để người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, đáp ứng tiêu chí 17.1 trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới theo kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa.

8. Theo bản đồ 364, xã Sơn Hà, huyện Quan Sơn thuộc xã biên giới giáp với tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào. Đề nghị Chính phủ xem xét cho xã Sơn Hà là xã biên giới.

Trả lời: (Công văn số 4227/BNV-CQĐP ngày 27/8/2018 của Bộ Nội vụ về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Hiện nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không quy định về tiêu chí, quy trình, thủ tục công nhận xã biên giới mà chỉ quy định ưu đãi về đầu tư, chế độ, chính sách đối với các xã biên giới. Vì vậy, Bộ Nội vụ đề nghị tỉnh Thanh Hóa kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung xã Sơn Hà vào danh sách xã biên giới (nếu thực tế xã Sơn Hà nằm tiếp giáp liền kề với tỉnh Hòa Phấn và có chung đường biên giới với nước CHDCND Lào) để được hưởng ưu đãi của Nhà nước đối với xã biên giới.

9. Cử tri huyện Hoàng Hóa đề nghị Bộ Giao thông Vận tải sớm xem xét mở rộng tuyến đường Quốc lộ 10, thuộc tiểu dự án 2, Quốc lộ 1A. Vì hiện nay, đường hẹp, lưu lượng tham gia giao thông quá đông nên thường xuyên xảy ra ùn tắc.

Trả lời: (Công văn số 7621/BGTVT-KHĐT ngày 12/7/2018 Bộ Giao thông Vận tải về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Đoạn tuyến Quốc lộ 10 từ ngã tư Gòng, thị trấn Bút Sơn đến Quốc lộ 1 (Km225+175-Km227+800) là cửa ngõ vào trung tâm huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, kết nối trung tâm huyện Hoàng Hóa, Khu du lịch Hải Tiến với thành phố Thanh Hóa. Tuyến hiện tại đang được khai thác với quy mô đường cấp IV đồng bằng và đã xuất hiện các hư hỏng cục bộ tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn giao thông, do vậy việc đầu tư nâng cấp, mở rộng đoạn tuyến nêu trên là cần thiết. Tuy nhiên, trong điều kiện nguồn vốn ngân sách được giao cho Bộ Bộ Giao thông Vận tải trong giai đoạn 2016-2020 hết sức hạn hẹp, chưa đủ để cân đối cho các nhiệm vụ cần thiết, cấp bách của ngành nên không thể cân đối cho việc đầu tư dự án. Bộ Bộ Giao thông Vận tải ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Thanh Hóa về việc đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ

ngã tư Gòong, thị trấn Bút Sơn đến QL1 (Km225+175-Km227+800), tỉnh Thanh Hóa và sẽ đầu tư khi được Quốc hội, Chính phủ bố trí vốn cho dự án. Trước mắt, Bộ Bộ Giao thông Vận tải giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam tăng cường duy tu để đảm bảo khai thác an toàn.

10. Đề nghị Bộ Giao thông Vận tải chỉ đạo Tổng cục Đường sắt Việt Nam rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch Ga Bím Sơn, từ năm 1987 đến nay không thực hiện xây dựng, không quản lý đất được giao để dân lấn chiếm sử dụng, một phần diện tích đang cho thuê sử dụng không đúng mục đích, làm lãng phí tài nguyên đất.

Trả lời: (Công văn số 9040/BGTVT-KCHT ngày 15/8/2018 của Bộ Giao thông Vận tải về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

1. Hiện tại, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam là đơn vị được giao quản lý, sử dụng đất tại xã Bím Sơn và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00578 kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-UB ngày 18/6/2001 của UBND tỉnh Thanh Hóa, với tổng diện tích đất là 135.775m², trong đó: 43.000m² trên địa phận phường Phú Sơn và 92.775m² trên địa phận phường Ngọc Trạo, với mục đích sử dụng để xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt trong thời gian dài.

2. Về nhu cầu sử dụng đất để phát triển ga Bím Sơn: Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 phê duyệt quy hoạch chi tiết hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam. Trong đó, ga Bím Sơn nằm trong danh mục những ga phải nâng cấp, cải tạo ga hành khách, ga hàng hóa, bãi hàng, kết nối cảng biển và đường sắt nhánh vào cấp kỹ thuật quốc gia để tăng cường chất lượng phục vụ và thu hút hành khách, hàng hóa. Theo quy hoạch được duyệt, ga Bím Sơn sẽ được giữ nguyên quy mô như hiện nay.

3. Về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam đã tổ chức thực hiện kê khai hiện trạng quản lý, sử dụng nhà, đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của UBND tỉnh Thanh Hóa tại Văn bản số 2863/UBND-KT ngày 08/5/2012, Bộ Tài chính đã phê duyệt phương án xử lý các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Văn bản số 12163/BTC-QTCS ngày 01/9/2015, trong đó ga Bím Sơn được tiếp tục giữ lại để quản lý, sử dụng theo quy hoạch của UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Do lịch sử để lại, trước khi có Quyết định số 1487/QĐ-UB ngày 18/6/2001 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ga Bim Sơn, đã có 22 hộ dân với diện tích khoảng 1.470m² đang sinh sống trong khu đất ga Bim Sơn. Sau khi có Quyết định số 1.487/QĐ-UB ngày 18/6/2001, do thiếu kinh phí để chôn cọc mốc chỉ giới, xây dựng tường rào theo ranh giới, nên đã có 95 hộ dân lấn chiếm, xây dựng trái phép trên khu đất ga Bim Sơn với diện tích khoảng 4.141m².

5. Hiện nay, Chi nhánh khai thác đường sắt Hà Thanh (đơn vị được giao quản lý, sử dụng đất ga Bim Sơn) đang ký hợp đồng cho 01 tổ chức và 01 cá nhân thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt với diện tích khoảng 2.190m² bãi hàng tại ga Bim Sơn. Việc ký hợp đồng cho thuê được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 84/2007/QĐ-TTg ngày 11/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 21/2008/TT-BTC ngày 04/3/2008 của Bộ Tài chính về phương thức và mức thu phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt do nhà nước đầu tư nhằm tận dụng và khai thác tối đa diện tích, năng lực kết cấu hạ tầng đường sắt, không gây lãng phí tài nguyên đất.

6. Triển khai Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Bộ Bộ Giao thông Vận tải chỉ đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam kiểm tra, phân loại nhà ở trong khu ga để giải quyết theo hướng trường hợp không vướng quy hoạch phát triển của ngành thì bàn giao cho địa phương quản lý; trường hợp cần giải tỏa thì thực hiện giải tỏa đưa vào sử dụng đúng mục đích.

11. Cử tri huyện Bá Thước đề nghị Chính phủ tiếp tục đầu tư kinh phí thi công cầu Bến Kẹm. Công trình khởi công từ năm 2012 nhưng hiện nay đã dừng thi công.

Trả lời: (Công văn số 5342/BKHĐT-TH ngày 3/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư, xây dựng công trình thì việc đầu tư, xây dựng hoàn thành cầu Bến Kẹm thuộc thẩm quyền của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trong trường hợp dự án đã được khởi công, xây dựng nhưng hiện nay đang được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tạm dừng thi công, đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa chủ động yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa làm việc rõ lý do, đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án, những khó khăn vướng mắc làm cơ sở quyết định bố trí vốn để thực hiện hoàn thành dự án, tránh lãng phí; thất thoát.

Trong trường hợp tiếp tục thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, chủ động bố trí các nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác để thực hiện.

12. Cử tri huyện Bá Thước đề nghị Bộ Giao thông Vận tải chỉ đạo Ban Quản lý Thăng Long- PU1 sớm chi trả số tiền 309 triệu đồng đền bù cho 239 hộ dân ở xã Thiết Ống do quá trình thi công tuyến đường giao thông nâng cấp Quốc lộ 217, máy lu rung làm nứt tường nhà các hộ dân.

Trả lời: (Công văn số 8616/BGTVT-CQLXD ngày 6/8/2018 của Bộ Giao thông Vận tải về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải, ngày 25/7/2018, Ban Quản lý dự án Thăng Long đã phối hợp với chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước, Ủy ban nhân dân xã Thiết Ống, Trưởng các thôn, phố của xã Thiết Ống) cùng nhà thầu thi công, nhà thầu bảo hiểm tiến hành chi trả toàn bộ số tiền đền bù, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng do lu rung trong quá trình thi công gói thầu số 13, dự án Quốc lộ 217 với tổng số tiền là 352.904.477 đồng cho 223 hộ dân bị ảnh hưởng thuộc các phố Đồng Tâm 1, Đồng Tâm 2, Bá Lộc và thôn Chiềng, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước.

Các hộ dân bị ảnh hưởng đã nhận được đầy đủ khoản tiền đền bù, hỗ trợ các tổn thất, hư hỏng do ảnh hưởng trong quá trình thi công dự án và cam kết sẽ không còn bất kỳ khiếu nại nào đối với Bộ Giao thông Vận tải, Ban Quản lý dự án Thăng Long, Nhà thầu thi công, chính quyền địa phương và các bên liên quan; Chính quyền địa phương sẽ giám sát đảm bảo các bên liên quan thực hiện đúng cam kết trong Biên bản thỏa thuận nhận tiền đền bù ký ngày 25/7/2018.

13. Công trình Trạm điện 110 KV tại xã Xuân Quý, huyện Như Xuân đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, đề nghị Bộ Công thương và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc sớm khởi công xây dựng.

Trả lời: (Công văn số 6483/BCT-KH ngày 14/8/2018 của Bộ Công thương về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Về phê duyệt chủ trương đầu tư đối với trạm 110 KV Bãi Trành trên địa bàn xã Xuân Quý, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (sử dụng vốn ODA) đã được Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 2308/QĐ-BCT ngày 29 tháng 6 năm 2018.

Hiện nay, Tổng Công ty Điện lực miền Bắc đang tích cực triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng trạm biến áp 110 KV Bãi Trành theo quy định.

II. VỀ VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Các chế tài để xử lý việc sản xuất hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm còn thiếu tính răn đe, nên vẫn còn tiếp diễn (thuốc chữa ung thư được làm từ bột than tre, cà phê trộn bột pin...). Đề nghị Quốc hội nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các luật liên quan theo hướng điều chỉnh tăng khung hình phạt đối với các hành vi nêu trên.

***Trả lời:** (Công văn số 6466/BCT-KH ngày 14/8/2018 của Bộ Công thương về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Về việc tăng khung chế tài xử lý các hành vi sản xuất hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm... liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều Bộ, ngành. Bộ Công thương xin tiếp thu ý kiến của cử tri để đề xuất, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, chỉnh sửa.

2. Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc, hàng kém chất lượng vẫn còn bày bán trên thị trường, nhiều mặt hàng còn dán cả tem nhập khẩu nhưng chất lượng quá thấp, người dân không thể phân biệt được đâu là hàng thật đâu là hàng nhái, hàng giả. Đề nghị ngành chức năng thông tin rộng rãi về giá cả, chất lượng hàng hóa để người dân biết; hoặc đề nghị quy định nơi bán hàng dán các thông tin về nguồn gốc hàng hóa có chứng nhận của cơ quan quản lý chất lượng cho người dân biết.

***Trả lời:** (Công văn số 7141/BCT-KH ngày 5/9/2018 của Bộ Công thương về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

1. Đối với kiến nghị thông tin rộng rãi về giá cả hàng hóa:

Tại khoản 2 Điều 6 của Luật giá 2012 đã quy định “*Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ gắn với thông số kinh tế - kỹ thuật cơ bản của hàng hóa, dịch vụ đó bằng hình thức niêm yết giá. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lựa chọn thêm một hoặc một số hình thức như hợp báo, đăng tải trên phương tiện*

thông tin đại chúng hoặc hình thức thích hợp khác”.

Như vậy, các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh hàng hóa phải thực hiện công khai thông tin về giá tới người tiêu dùng. Bộ Công thương với chức năng là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại đã tích cực, thường xuyên chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường cả nước kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi găm hàng, tăng giá. Cụ thể: trong 6 tháng đầu năm 2018, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã xử lý 11.282 vụ vi phạm trong lĩnh vực giá, đầu cơ găm hàng, phạt hành chính số tiền trên 90 tỷ đồng.

Ngoài ra, thực hiện vai trò thường trực Tổ Điều hành Thị trường trong nước, Bộ Công thương cũng chủ động theo dõi diễn biến thị trường, cung cầu hàng hóa thiết yếu, phối hợp với các Bộ ngành, Sở Công thương các địa phương, làm việc với các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng để nắm bắt thông tin kịp thời khi thị trường có biến động, từ đó có kiến nghị, đề xuất lên Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành liên quan có giải pháp thực hiện nhằm đảm bảo cung cầu, ổn định thị trường.

2. Đối với kiến nghị thông tin về chất lượng sản phẩm, quy định nơi bán hàng dán các thông tin về nguồn gốc hàng hóa

Việc hàng hóa phải dán các thông tin về nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, thành phần của sản phẩm đã được quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 Chính phủ về nhãn/hàng/hóa. Cụ thể tại khoản 1 Điều 10 quy định:

“Nhãn hàng hóa bắt buộc phải thể hiện các nội dung sau:

- a. Tên hàng hóa;*
- b. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;*
- c. Xuất xứ hàng hóa;*
- d. Các nội dung khác theo tính chất của mỗi loại hàng hóa được quy định tại Phụ lục I của Nghị định này và văn bản quy phạm pháp luật liên quan”.*

Với chức năng quản lý thị trường được giao, Bộ Công thương đã thường xuyên chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường các tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh hàng hóa, trường hợp phát hiện sai phạm sẽ tiến hành xử lý theo quy định. Cụ thể: Trong 6 tháng đầu năm 2018, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã xử lý 2.776 vụ vi phạm về hàng giả và quyền sở hữu trí tuệ; 2.821 vụ vi phạm hàng cấm, 4.923 vụ vi phạm hàng lậu; xử phạt hành chính số tiền trên 74 tỷ

đồng.

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới của Bộ Công thương về công tác quản lý thị trường:

- Theo dõi diễn biến thị trường, cung cầu hàng hóa thiết yếu trong nước và thế giới để đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp, kịp thời nhằm đảm bảo ổn định thị trường giá cả.

- Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia và Bộ Công thương về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới; Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp; Chỉ thị số 02/CT-BCT của Bộ Công thương về việc tăng cường quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất, kinh doanh rượu; Chỉ thị số 03/CT-BCT của Bộ Công thương về việc tăng cường quản lý hoá chất độc hại bị lạm dụng trong bảo quản, chế biến thực phẩm; Đề án Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm đến năm 2020 được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-BCT; Kế hoạch số 216/KH-BCĐ389 của Ban Chỉ đạo 389 Bộ Công thương về tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng; Quyết định số 334/QĐ-BCT của Bộ Công thương về Kế hoạch đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo xuất xứ tại các địa bàn đến năm 2020; Kế hoạch số 05/KH-BCĐ 389 của Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia về công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2018; Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và văn bản chỉ đạo số 5172/BCT-QLTT của Bộ Công thương về tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền...

- Nắm vững diễn biến tình hình hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách để kịp thời phát hiện, nhận diện các vấn đề nổi cộm, các lĩnh vực mặt hàng vi phạm mới nổi để đấu tranh ngăn chặn.

- Chủ động phối hợp xây dựng, triển khai đồng bộ các phương án, chuyên đề, kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm; thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo để có thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch để rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp đấu tranh phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Thông qua thực tiễn kiểm tra, xử lý vi phạm, rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, bảo đảm tính khả thi và theo sát với tình hình thực tế; tạo thuận lợi cho các lực lượng chức năng trong thực thi nhiệm vụ.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 14/CT-BCT, Chỉ thị số 23/CT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công thương, coi trọng công tác xây dựng lực lượng quản lý thị trường trong sạch, vững mạnh, không tham nhũng, tiêu cực. Chú trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng cho công chức, người lao động trong toàn lực lượng; xây dựng phương pháp làm việc khoa học chuyên nghiệp. Đồng thời, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức trong kiểm tra, kiểm soát thị trường để nâng cao hiệu quả đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Lực lượng quản lý thị trường cần tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, nêu cao tinh thần phục vụ và hỗ trợ doanh nghiệp, kiên quyết xử lý các công chức gây phiền hà cho doanh nghiệp; không thanh tra, kiểm tra khi không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu, lãnh đạo, cơ quan chức năng và công chức trực tiếp quản lý địa bàn nếu để xảy ra buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm phức tạp, nghiêm trọng kéo dài, gây bức xúc trong nhân dân mà không có giải pháp khắc phục kiên quyết, hiệu quả.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, ký cam kết không buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm an toàn thực phẩm cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại trên thị trường. Đặc biệt, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân đã ký cam kết mà vẫn có hành vi vi phạm.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với các lực lượng chức năng: Công an, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Thanh tra chuyên ngành

trong đấu tranh chống buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin với các Doanh nghiệp, Hiệp hội ngành hàng để công tác kiểm tra, xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đạt hiệu quả. Đồng thời tiếp tục tăng cường công tác hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

3. Đề nghị Chính phủ có biện pháp tháo gỡ việc nợ bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp, hiện nay các doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội rất nhiều; Phải coi việc gian lận bảo hiểm xã hội là tội phạm và cần xử phạt nghiêm minh.

***Trả lời:** (Công văn số 3690/BLĐTBXH-VP ngày 5/9/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Như cử tri phản ánh, hiện nay vẫn còn tình trạng nhiều doanh nghiệp nợ đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Thời gian qua, triển khai thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Chính phủ, các bộ ngành, địa phương đã có nhiều giải pháp nhằm hạn chế tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội như: chỉ đạo tăng cường sự phối hợp chặt chẽ trong nắm bắt số lượng doanh nghiệp, người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc để đôn đốc, yêu cầu doanh nghiệp tham gia đầy đủ cho người lao động; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo hiểm xã hội; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Bên cạnh đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng đã quy định tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, tội gian lận bảo hiểm xã hội.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội cho thấy, mặc dù số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội đã giảm hơn so với một số năm trước nhưng tỷ lệ vẫn còn cao. Nguyên nhân chủ yếu là do ý thức chấp hành pháp luật của một số chủ sử dụng lao động chưa nghiêm, nhất là khu vực ngoài nhà nước; việc khởi kiện của tổ chức công đoàn còn gặp nhiều khó khăn; công đoàn cơ sở, người lao động chưa mạnh dạn đấu tranh đòi quyền lợi hợp pháp về bảo hiểm xã hội; sự vào cuộc chưa thực sự quyết liệt của cấp ủy, chính quyền của một số địa phương; một số doanh nghiệp thực sự gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh phải thực hiện giải thể, phá sản hoặc ngừng hoạt động...

Để hạn chế tình trạng trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp, chỉ đạo tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

- Phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

- Trình Chính phủ Đề án giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội cho các địa phương nhằm tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương.

- Nghiên cứu, đổi mới toàn diện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm xã hội cả về nội dung và cách thức nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, từng bước nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động, người lao động.

- Phối hợp kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan liên quan (cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm Xã hội, Thuế, Kế hoạch Đầu tư) để nắm bắt chính xác số doanh nghiệp, người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, đặc biệt là thanh tra chuyên ngành đóng bảo hiểm xã hội của cơ quan bảo hiểm xã hội, trước hết tập trung kiểm tra, thanh tra các doanh nghiệp nợ đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện quy trình khởi kiện ra tòa đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; đồng thời chỉ đạo cơ quan bảo hiểm xã hội phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện khởi tố một số doanh nghiệp cố tình trốn đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015 nhằm răn đe đối với các các doanh nghiệp khác.

4. Cử tri phản ánh việc thẻ Bảo hiểm Y tế không in ngày hết hạn trên thẻ gây khó khăn cho người dân, do người dân nông thôn chưa có điều kiện cập nhật thông tin trên Internet. Đề nghị Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thiết kế mẫu thẻ phù hợp với mọi đối tượng tham gia Bảo hiểm Y tế.

Trả lời: (Công văn số 3022/BHXH-ST ngày 14/8/2018 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã ban hành quy định về việc cấp sổ BHXH. thẻ BHYT theo mã số BHXH sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Y tế. Theo đó, thẻ BHYT cấp cho người tham gia theo mã số BHXH giúp tránh cấp trùng một người nhiều thẻ BHYT, cũng như quản lý, xác định thời điểm tham gia

đủ 5 năm liên tục của từng cá nhân. Ngoài ra, trên thẻ BHYT mới chỉ ghi giá trị sử dụng từ ngày .../.../... (bỏ quy định ghi giá trị sử dụng đến ngày nào). Vì vậy, người tham gia sẽ sử dụng thẻ BHYT lâu dài, không phải đổi lại hàng năm.

Đây là hoạt động triển khai thực hiện Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT có hiệu lực từ ngày 01/01/2015, với mục tiêu cấp thẻ điện tử cho người dân và ứng dụng công nghệ Thông tin trong quản lý BHXH, BHYT. Thời gian qua, BHXH Việt Nam đã xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung; cấp số định danh cá nhân cho người tham gia BHXH, BHYT. Những thay đổi này mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng thẻ BHYT. Trước hết, giảm bớt thủ tục nộp lại thẻ cũ còn giá trị sử dụng cho cơ quan BHXH khi ngừng đóng BHYT. Thẻ BHYT theo mã số BHXH cấp cho người tham gia được sử dụng lâu dài, không phải đổi lại hàng năm; trừ trường hợp mất, rách, hỏng hoặc thay đổi thông tin trên thẻ. Điều này cũng tránh trường hợp in, đổi thẻ không kịp thời như các năm trước đây, làm ảnh hưởng đến quyền lợi khám, chữa bệnh BHYT của người tham gia.

Bên cạnh đó, người tham gia cũng dễ dàng tìm hiểu thông tin về thời hạn sử dụng thẻ BHYT bằng nhiều hình thức: kiểm tra qua danh sách cấp thẻ BHYT lưu tại đơn vị; kiểm tra trên Cổng thông tin BHXH Việt Nam (www.baohiemxahoi.gov.vn); gọi Trung tâm Hỗ trợ khách hàng của BHXH Việt Nam qua tổng đài 1900969668. Ngoài ra, người dân có thể liên hệ trực tiếp với cơ quan BHXH, bưu điện văn hóa xã, ủy ban nhân dân xã, đơn vị, đại lý thu nơi tham gia BHXH, BHYT, cơ sở khám, chữa bệnh BHYT để được giải đáp thỏa đáng.

Khi tới hạn nộp tiền, cơ quan BHXH có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền và đôn đốc đơn vị, người tham gia tiếp tục đóng theo quy định (Biên lai thu tiền đã ghi rõ thời hạn sử dụng thẻ BHYT để người tham gia BHYT được biết).

5. Hiện nay nguồn kinh phí để xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy và học cho các nhà trường để đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu trong Nghị quyết số 29 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI chưa đảm bảo. Đề nghị Chính phủ tăng cường hỗ trợ nguồn kinh phí để đảm bảo việc dạy và học.

Trả lời: (Công văn số 3757/BGDĐT-KHTC ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong 5 năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có nhiều giải pháp nhằm tăng cường nguồn kinh phí cho giáo dục và đào tạo đảm bảo cho việc dạy và học như: trình Chính phủ phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ năm 2017 để thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên tại các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020. Bên cạnh đó, các dự án ODA được ký kết nhằm xây dựng trường mới, cung cấp thiết bị, đồ gỗ cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trung học cơ sở, trung học phổ thông các vùng khó khăn (Dự án Phát triển giáo dục phổ thông giai đoạn 2, Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2...).

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Văn bản số 1428/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 07/4/2017 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trong đó có nội dung về ưu tiên ngân sách địa phương, tăng cường huy động nguồn lực xã hội cụ thể như:

- Dành ngân sách thỏa đáng từ nguồn vốn ngân sách địa phương để đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục; thực hiện lồng ghép có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020), Chương trình mục tiêu của ngành giáo dục (Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2014 - 2015, lộ trình đến năm 2020, Chương trình mục tiêu giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020) và các chương trình, dự án, đề án khác đã được phê duyệt.

- Khuyến khích, huy động các nguồn lực, các nguồn vốn trong dân cư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và nhà đầu tư dưới nhiều hình thức (góp vốn xây dựng, hiến đất xây dựng, đầu tư xây dựng trực tiếp, cho vay vốn đầu tư xây dựng...) để góp phần giải quyết các khó khăn trong đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục.

- Chỉ đạo các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục xây dựng các chương trình, đề án, dự án ưu tiên đầu tư cho giáo dục, nhất là các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và các đối tượng chính sách

trên cơ sở quy hoạch mạng lưới trường, lớp học và yêu cầu đảm bảo chất lượng giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, phổ thông, đang hoàn thiện Đề án huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để tăng cường đầu tư cho cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục.

6. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa nội dung môn bơi lội, giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, biển đảo vào chương trình chính khóa của giáo dục phổ thông, vì đây là những vấn đề cấp thiết, đang được quan tâm hàng đầu.

***Trả lời:** (Công văn số 3662/BGDĐT-VP ngày 21/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông mới bao gồm các lĩnh vực giáo dục về ngôn ngữ, toán học, tin học, công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nghệ thuật, thể chất (trong đó có bơi lội)... Đồng thời, những nội dung giáo dục về chủ quyền quốc gia, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giáo dục an toàn giao thông... cũng được tích hợp, lồng ghép vào chương trình một cách hợp lý. Một số vấn đề cấp thiết cử tri quan tâm đã được đưa vào các chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình mới, cụ thể như sau:

1. Về nội dung bơi lội

Trong chương trình môn Giáo dục thể chất, môn Bơi là môn học chính khóa được thực hiện dưới hình thức môn thể thao tự chọn ở giai đoạn giáo dục cơ bản (cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở) và thông qua hình thức câu lạc bộ ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (cấp trung học phổ thông). Tuy nhiên, môn Bơi yêu cầu phải có bể bơi, trong khi không phải nhà trường nào cũng đáp ứng ngay được nên cần có lộ trình đưa môn Bơi kết hợp với các môn thể thao có thể mạnh khác của địa phương vào giảng dạy ở thời điểm thích hợp, phù hợp đặc điểm vùng miền.

2. Về nội dung giáo dục an toàn giao thông

Nội dung giáo dục an toàn giao thông được tích hợp trong nhiều môn học, hoạt động giáo dục như môn Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm...

Trong chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, ngay từ lớp 1, học sinh được học nội dung về an toàn trên đường để có khả năng nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường và cách phòng tránh thông qua quan sát thực tế cuộc sống hằng ngày, tranh ảnh hoặc video clip; tên và ý nghĩa của một số biển báo và đèn hiệu giao thông; thực hành đi bộ qua đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông hoặc có đèn tín hiệu giao thông; thực hiện quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ, đi đò, thuyền, đội mũ bảo hiểm, mặc áo phao... Ở lớp 2, học sinh được học tên các loại đường giao thông, một số phương tiện giao thông và tiện ích của chúng; phân biệt một số loại biển báo giao thông (biển báo chỉ dẫn, biển báo cấm, biển báo nguy hiểm...) qua hình ảnh; giải thích được cách thực hiện và sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông; thực hiện các qui định khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng...

Trong chương trình môn Giáo dục công dân, ở lớp 3 có nội dung tuân thủ quy tắc an toàn giao thông, bao gồm quy tắc an toàn thường gặp khi tham gia giao thông; ích lợi của việc tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; rèn luyện thói quen tuân thủ quy tắc an toàn giao thông;...

3. Về nội dung bảo vệ môi trường

Nội dung này được tích hợp trong nhiều môn học, hoạt động giáo dục như các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học tự nhiên, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm,... Môn Khoa học tự nhiên (ở cấp trung học cơ sở) có những chủ đề liên quan đến bảo vệ môi trường như các chủ đề về biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm năng lượng, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên... Trong môn Giáo dục công dân, ở lớp 5, học sinh được học nội dung bảo vệ môi trường sống; các loại môi trường sống và sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống; bảo vệ môi trường sống ở nhà, trường, nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng của bản thân (chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; giữ vệ sinh môi trường...). Học sinh được giáo dục không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và biết nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống...

Trong chương trình Hoạt động trải nghiệm, nội dung bảo vệ môi trường được đề cập ở tất cả các lớp ở cả 3 cấp học với mức độ khác nhau, ở cấp tiểu học, học sinh được học tập, rèn luyện để có năng lực “Thực hiện được những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu thiên nhiên và bảo vệ cảnh quan nơi mình sinh sống” (lớp 1); “Tuyên truyền tới bạn bè, người thân về vẻ đẹp của danh lam thắng cảnh ở địa phương; thực hiện được các việc làm

cụ thể để chăm sóc, bảo vệ danh lam thắng cảnh và cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống” (lớp 2); “Đề xuất được những việc làm cụ thể góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở địa phương nơi mình sinh sống; thực hiện được những việc làm cụ thể làm xanh, sạch môi trường sống ở khu dân cư” (lớp 4). Ở cấp trung học cơ sở, học sinh cần đạt những yêu cầu “Thực hiện được các hành vi bảo vệ môi trường như vứt rác đúng nơi quy định, phân loại rác thải, giữ gìn môi trường trong sạch... Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các biện pháp giảm thiểu nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu” (lớp 6); “Thực hiện các hành vi, việc làm bảo vệ môi trường, di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi mình đến tham quan; xây dựng chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng tờ rơi, áp phích và các hình thức khác” (lớp 7); “Xây dựng và thực hiện được kế hoạch quảng bá về vẻ đẹp danh lam thắng cảnh của đất nước; thực hiện được và tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường” (lớp 9). Ở cấp trung học phổ thông, các yêu cầu cần đạt về bảo vệ môi trường tăng lên một mức. Học sinh cần biết “Lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền về vẻ đẹp của di sản thiên nhiên thế giới; thực hiện được kế hoạch truyền thông cho cộng đồng trên mạng xã hội cùng chung tay bảo vệ các di sản thiên nhiên thế giới; đánh giá hiệu quả của các biện pháp truyền thông qua mạng xã hội” (lớp 10); “Xây dựng và thực hiện được kế hoạch quảng bá về tài nguyên rừng và biển của đất nước; đánh giá được hiệu quả của các hoạt động giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên. Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng và biển” (lớp 11); “Lập và thực hiện kế hoạch bảo vệ, giữ gìn thế giới động thực vật; thực hiện được và tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp bảo vệ thế giới động thực vật” (lớp 12).

4. Về nội dung giáo dục chủ quyền biển, đảo

Một trong bốn chủ đề thuộc nội dung giáo dục môn Lịch sử và Địa lý cấp trung học cơ sở là chủ đề “Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam”, ở lớp 8, học sinh được học về quá trình các chúa Nguyễn xác lập chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, những bằng chứng về quá trình này, khẳng định “Biển là không gian sinh tồn của dân tộc Việt”, ở lớp 9, học sinh được nghiên cứu tiếp về quá trình thực thi chủ quyền đối với các vùng biển và hải đảo Việt Nam thời hiện đại. Ở góc độ địa lí, học sinh có các khái niệm cơ bản về các vùng biển và thềm lục địa mà Việt Nam khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, đặc quyền kinh tế theo Công ước Liên hợp quốc về

Luật biển (UNCLOS) và Luật biển của Việt Nam; vai trò chiến lược của hệ thống đảo nước ta trong việc khẳng định chủ quyền và quyền chủ quyền vùng biển và thềm lục địa; cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ quyền biển, đảo; vai trò của kinh tế biển trong nền kinh tế Việt Nam hiện đại và trong việc phát huy chủ quyền biển, đảo.

Nội dung về chủ quyền biển, đảo cũng được đề cập trong chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Học sinh được học về nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế, trong đó có các vấn đề về dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.

Trong Danh mục văn bản (ngữ liệu) gợi ý lựa chọn ở các lớp của chương trình môn Ngữ văn trong có nhiều tác phẩm đề cập nội dung biển, đảo như “Cô Tô” của Nguyễn Tuân, “Tôi ăn tết ở Côn Lôn” của Khuông Việt, “Lính đảo hát tình ca trên đảo” của Trần Đăng Khoa, “Những cánh buồm” của Hoàng Trung Thông...

7. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo có chính sách miễn học phí cho các cháu vùng 30a, vùng 135 đang tham gia học tại các trường chuyên nghiệp.

Trả lời: (Công văn số 3906/BGDĐT-VP ngày 30/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Hiện nay, theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người vùng 30a và vùng 135 đã được miễn học phí; Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng 30a và vùng 135 được miễn 70% học phí.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ghi nhận ý kiến đề nghị của cử tri, thời gian tới sẽ phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề xuất các chính sách về miễn học phí cho sinh viên ở các vùng 30a, vùng 135 (ngoài các đối tượng nêu trên) theo học tại các trường đại học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của Nhà nước.

8. Đề nghị Chính phủ có chính sách ưu tiên hơn nữa trong việc xét tuyển, thi tuyển vào công chức, viên chức đối với con em là người dân tộc thiểu số.

Trả lời: (Công văn số 3905/BNV-CCVC ngày 14/8/2018 của Bộ Nội vụ về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

1. Hiện nay, việc tuyển dụng vào làm công chức, viên chức được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 24/2010/NĐ-CP) và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Đồng thời, để thu hút sinh viên là người dân tộc thiểu số vào làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước, tại Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBND ngày 11/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc đã quy định một số chính sách như sau:

- Quy định số lượng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải đảm bảo tỷ lệ hợp lý, tương ứng với tỷ lệ người dân tộc thiểu số tại địa phương; Ở các địa phương vùng dân tộc thiểu số, nhất thiết phải có cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số (Khoản 1 Điều 4).

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong kế hoạch tuyển dụng phải xác định một tỷ lệ biên chế hợp lý trong tổng số biên chế đã được cấp có thẩm quyền giao để tổ chức tuyển dụng người dân tộc thiểu số vào công chức, viên chức (Khoản 1 Điều 6)

2. Thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới (sau đây viết tắt là Quyết định số 402/QĐ-TTg). Theo đó, Đề án đã đặt ra một số nhiệm vụ, giải pháp để thu hút sinh viên người dân tộc thiểu số (bao gồm cả đối tượng hệ cử tuyển) như sau:

- Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách có tính đặc thù trong tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng; chế độ chính sách trong đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn, điều kiện trong quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số.

- Xác định cụ thể tỷ lệ tối thiểu cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc ở các địa phương (gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp

xã) có đông đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm từ 5% tổng dân số của tỉnh, của huyện và của xã trở lên) và tại các cơ quan trực tiếp làm công tác dân tộc (Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc, Phòng Dân tộc) để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

Hiện nay, Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành, địa phương đang triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 402/QĐ-TTg nêu trên.

9. Đề nghị Chính phủ tăng thêm nguồn vốn vay tạo việc làm cho thanh niên từ nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Trả lời: (Công văn số 9603/BTC-TCNH ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính; Công văn số 38289/NHCS-TDNN ngày 31/8/2018 của Ngân hàng Chính sách về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

- Về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, ngày 09/7/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2015/NĐ-CP (thay thế Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm); theo đó người lao động (trong đó bao gồm cả đối tượng thanh niên) được xem xét vay vốn ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để: (i) tạo việc làm; duy trì, mở rộng việc làm; và (ii) đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Ngoài ra, hiện nay, Ngân hàng Chính sách Xã hội cũng đang triển khai nhiều chương trình cho vay ưu đãi (bao gồm cả mục tiêu phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm) cho các đối tượng như: Hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn; người lao động đi xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài... trong đó bao gồm cả đối tượng là thanh niên.

- Về nguồn vốn thực hiện chương trình: Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã bố trí nguồn lực lớn để thực hiện các chính sách an sinh xã hội thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội, trong đó có ưu tiên cho mục tiêu tạo việc làm cho thanh niên. Thực hiện Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP nêu trên, đến nay, Nhà nước đã bố trí 4.483 tỷ đồng cho Quỹ quốc gia về việc làm và cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách Xã hội huy động thêm 3.306 tỷ đồng để tạo nguồn vốn cho vay Chương trình này. Theo báo cáo của

Ngân hàng Chính sách Xã hội, đến ngày 30/6/2018, tổng dư nợ của Chương trình cho vay giải quyết việc làm đạt 13.622 tỷ đồng và đã tạo việc làm cho gần 3,6 triệu lao động, trong đó chủ yếu lao động là thanh niên.

Thời gian tới, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Ngân hàng Chính sách Xã hội đã được Quốc hội phê duyệt (7.575 tỷ đồng vốn điều lệ và 13.290 tỷ đồng vốn cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý), Nhà nước sẽ tiếp tục quan tâm, bố trí vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho các đối tượng chính sách, trong đó có thanh niên.

Tại Công văn số 38289/NHCS-TDNN ngày 31/8/2018 của Ngân hàng Chính sách về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV, Ngân hàng Chính sách Xã hội trả lời như sau:

Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện cho vay ưu đãi đối với các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác, giúp người nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận với nguồn vốn chính sách, từ đó phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống dần vươn lên thoát nghèo và thoát nghèo bền vững. Thanh niên tại địa phương thuộc các đối tượng trên đều được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Trong những năm qua, Ngân hàng Chính sách Xã hội luôn tích cực kiến nghị, đề xuất với các Bộ, ngành liên quan trình Chính phủ cân đối nguồn vốn để cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác phù hợp với nhu cầu và khả năng sử dụng vốn của các đối tượng thụ hưởng. Thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện tích cực chuyển vốn ủy thác từ ngân sách địa phương để bổ sung nguồn vốn cho vay các đối tượng chính sách trên địa bàn.

Kiến nghị của cử tri về tăng thêm nguồn vốn, Ngân hàng Chính sách Xã hội xin tiếp thu, trình Chính phủ xem xét trong thời gian tới và đề nghị chính quyền địa phương các cấp tiếp tục bổ sung nguồn vốn để cho vay các đối tượng chính sách.

10. Cử tri huyện Quan Sơn đề nghị Chính phủ kéo dài chính sách hỗ trợ cho đội viên Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm phó chủ tịch UBND xã thuộc 64 huyện nghèo (Dự án 600 phó chủ tịch xã) khi huyện chưa bố trí được việc làm.

Trả lời: (Công văn số 4229/BNV-CTTN ngày 27/8/2018 của Bộ Nội vụ về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Thực hiện Thông báo số 06-TB/TW ngày 29/4/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã thuộc 64 huyện nghèo (sau đây gọi tắt là Dự án 600 Phó Chủ tịch xã); căn cứ Văn bản của một số tỉnh thuộc phạm vi thực hiện Dự án đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với đội viên Dự án, ngày 22/01/2018, Bộ Nội vụ có Công văn số 297/BNV-CTTN đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi trả lương cho Đội viên Dự án trong khi chờ bố trí công tác. Ngày 26/3/2018, Bộ Tài chính có Công văn số 2605/BTC-NSNN về việc trả lương cho đội viên Dự án tiếp tục làm Phó Chủ tịch xã trong khi chờ bố trí công tác. Nội dung cơ bản như sau:

1. Về việc bố trí, sử dụng đội viên Dự án trong và sau khi kết thúc Dự án:

Tại Thông báo số 06-TB/TW ngày 29/4/2016, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo: “Giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đang thực hiện thí điểm có trách nhiệm bố trí hợp lý các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã theo nguyên tắc: Bảo đảm tất cả những trí thức trẻ đã được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên đều được sắp xếp, bố trí công việc phù hợp với trình độ, năng lực”.

2. Về tiền lương trả cho đội viên Dự án tiếp tục làm Phó Chủ tịch xã trong khi chờ bố trí công tác:

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 đã bao gồm nhu cầu kinh phí thực hiện Dự án 600 Phó Chủ tịch xã theo tiền lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng. Đồng thời, theo quy định tại Quyết định số 1097/QĐ-TTg ngày 08/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 64 huyện nghèo được phê duyệt theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, thì chính sách này có hiệu lực đến ngày 30/6/2017. Như vậy, phần tiền lương tăng do điều chỉnh mức lương cơ sở (từ 1,21 triệu đồng lên 1,3 triệu đồng/tháng), đề nghị các địa phương tổng hợp chung trong nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương và sử dụng nguồn cải cách tiền lương của địa phương theo quy định để chi trả lương cho các đội viên thuộc Dự án trong khi chờ bố trí công tác.

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính, ngày 30/3/2018, Bộ Nội vụ có Công văn số 1313/BNV-CTTN gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc bố trí công tác đối với đội viên Dự án sau khi hoàn thành nhiệm vụ và chi trả lương cho đội viên Dự án 600 Phó Chủ tịch xã trong khi chờ bố trí công tác; đồng thời có gửi kèm theo Công văn số 2605/BTC-NSNN của Bộ Tài chính.

Như vậy, Bộ Nội vụ đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa trao đổi với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tổng hợp chung tiền lương cho đội viên Dự án 600 Phó Chủ tịch xã trong nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương và sử dụng nguồn cải cách tiền lương của tỉnh theo quy định để chi trả lương cho các đội viên Dự án trong khi chờ huyện bố trí công tác. Đồng thời, khẩn trương thực hiện nghiêm túc Thông báo số 06-TB/TW ngày 29/4/2016 của Bộ Chính trị và Công văn số 2436/BNV-CTTN ngày 30/5/2016 của Bộ Nội vụ về việc bố trí đội viên Dự án 600 Phó Chủ tịch xã sau khi hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo kết quả về Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo việc thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị.

11. Hiện nay, nghĩa trang liệt sỹ huyện Cẩm Thủy đặt tại khu vực tổ 5 thị trấn Cẩm Thủy diện tích chật hẹp và nằm trong khu dân cư, do đó rất khó khăn trong thực hiện việc tâm linh, nhất là trong các dịp lễ, tết của dân tộc. Huyện đã quy hoạch và bố trí vị trí xây dựng mới. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế của huyện còn nhiều khó khăn. Đề nghị Nhà nước quan tâm hỗ trợ kinh phí để di chuyển và xây mới nghĩa trang ở vị trí mới phù hợp hơn, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân trên địa bàn huyện.

Trả lời: (Công văn số 3066/BLĐTBXH-VP ngày 30/7/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Hàng năm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đều bố trí kinh phí thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sỹ từ nguồn kinh phí thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng cho địa phương thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/06/2014 về việc hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sỹ, quy định thẩm quyền phê duyệt phương án phân bổ kinh phí Trung ương thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sỹ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

III. VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

1. Đề nghị Chính phủ chuyển và gom 02 Quyết định: 102/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn và Quyết định 2409/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc kinh phí hỗ trợ hộ nghèo tiền điện, để đầu tư vào chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc tập trung vào công trình phúc lợi và nâng mức hỗ trợ cao hơn.

Trả lời: (Công văn số 9949/BTC-NSNN ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

1. Đối với chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

Ngày 6/6/2018, Ủy ban Dân tộc đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/2018/QĐ-TTg về việc bãi bỏ Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 8292/BTC-NSNN ngày 12/7/2018 hướng dẫn xử lý nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Đối với năm 2018: Các địa phương tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg. Kết thúc năm 2018, địa phương báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc để xử lý theo quy định.

- Kinh phí thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg đã được bố trí trong dự toán chi thường xuyên cân đối ngân sách địa phương năm 2017 (thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội) và được ổn định trong cả thời kỳ ngân sách 2017-2020. Đề nghị các địa phương ưu tiên sử dụng để chi trả thay phần ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách an sinh xã hội thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội, phần còn lại (nếu có) tổng hợp nguồn để chi trả thay phần ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách an sinh xã hội khác trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiền điện:

Thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Quyết

định số 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo giai đoạn 2017-2018, Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 21/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình công tác năm 2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ tích hợp Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện.

Sau khi tổng hợp ý kiến của các Bộ, địa phương, Bộ Tài chính đã có Công văn số 8552/BTC-NSNN ngày 18/7/2018 trình Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, tích hợp chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, theo đó, đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ:

1. Bãi bỏ chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội do chính sách này là chính sách hỗ trợ cho không, mức hỗ trợ thấp, không gắn với điều kiện để khuyến khích sự tích cực chủ động tham gia sản xuất, tăng thu nhập của người nghèo và không phù hợp với định hướng giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ hướng đến giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, tạo sinh kế cho người dân và tạo điều kiện cho người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Giao Bộ Công thương chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định bãi bỏ chính sách hỗ trợ tiền điện, Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc phối hợp.

Như vậy, sau khi Thủ tướng Chính phủ có ý kiến, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Công thương hướng dẫn địa phương thực hiện.

2. Thị trấn Thường Xuân thuộc 61 huyện nghèo, hiện đang thực hiện đề án “xây dựng đô thị văn minh” nhưng không được hưởng chính sách 30a, không được hỗ trợ về chính sách tài chính, vì vậy, việc triển khai nhiệm vụ xây dựng đô thị văn minh rất khó khăn. Đề nghị Nhà nước quan tâm có chính sách hỗ trợ thị trấn Thường Xuân.

Trả lời: (Công văn số 3112/BLDTBXH-VP ngày 30/7/2018 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo

là Chương trình hỗ trợ trên địa bàn huyện, thôn, bản, xã thuộc huyện nghèo, không thực hiện đầu tư trên địa bàn các thị trấn thuộc huyện nghèo. Do đó, thị trấn Thường Xuân không thuộc đối tượng đầu tư của Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP.

Do đó, đề nghị huyện Thường Xuân căn cứ các nguồn lực khác được phân bổ trên địa bàn để hoàn thành mục tiêu xây dựng thị trấn Thường Xuân đạt tiêu chí “đô thị văn minh”.

3. Hiện nay, nhân dân huyện Bá Thước do thiếu đất ở và đất sản xuất nên nhiều gia đình có nguyện vọng di dân ra ngoài huyện, ngoài tỉnh đi xây dựng vùng kinh tế mới. Đề nghị Chính phủ tiếp tục có chính sách hỗ trợ di dân tái định cư đi xây dựng các vùng kinh tế mới tại các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên để nhân dân có điều kiện thoát nghèo.

***Trả lời:** (Công văn số 5924/BNN-KTHT ngày 03/8/2018 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Ngày 21 tháng 11 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1776/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020. Theo đó, tại điểm d khoản 3 Điều 1 tại Quyết định nêu trên về nguyên tắc thực hiện chương trình, quy định: “Việc bố trí ổn định dân cư chủ yếu trên địa bàn trong xã, huyện, tỉnh. Trường hợp cần thiết có nhu cầu di dân ra ngoài tỉnh cần thống nhất tỉnh có dân đi và tỉnh có dân đến để bố trí theo quy hoạch. Thực hiện bố trí dân cư xen ghép là chủ yếu, kết hợp với di dân tập trung và ổn định tại chỗ”.

Đồng thời, tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Quyết định nêu trên về chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, quy định: “Hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn nếu di chuyển nội vùng dự án mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ; di chuyển trong tỉnh mức hỗ trợ 23 triệu đồng/hộ; di chuyển ngoài tỉnh mức hỗ trợ 25 triệu đồng/hộ...”.

Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa căn cứ vào các quy định nêu trên của Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan, thực hiện bố trí dân cư ra ngoài huyện, ngoài tỉnh theo quy định. Đồng thời, đề nghị tỉnh thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề cho các hộ dân theo quy định, tạo điều kiện cho các hộ từng bước thoát nghèo, nâng cao thu nhập, an tâm ổn định cuộc sống.

4. Đề nghị Chính phủ sớm bố trí kinh phí hỗ trợ cộng đồng dân cư 50 triệu đồng/hộ, hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình 20 triệu đồng/hộ đối với việc các hộ dân phải di dời do ảnh hưởng của sạt lở, lũ lụt trên địa bàn các xã Lũng Cao, Cỏ Lũng, Lũng Niêm và một số xã vùng cao của huyện Bá Thước theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Trả lời: (Công văn số 6904/BNN-PCTT ngày 05/9/2018 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1588/TTg-NN ngày 16/10/2017 và của Chính phủ tại các Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/5/2018, 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 về công tác phòng, chống thiên tai, trong đó, giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư hoàn thành Dự án tổng thể di dời dân cư khẩn cấp phòng tránh lũ quét, sạt lở đất các tỉnh miền núi. Đến nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai tại các Văn bản số 18/TTr-TWPCTT ngày 18/01/2018 và Báo cáo số 120/BC-TWPCTT ngày 10/8/2018 đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ nhu cầu di dân khẩn cấp của các địa phương (trong đó có khu vực các xã Lũng Cao, Cỏ Lũng, Lũng Niêm thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa) như kiến nghị của cử tri. Ngày 23/8/2018, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì cuộc họp về hỗ trợ khẩn cấp nhà ở cho các hộ dân bị mất nhà do lũ ống lũ quét, sạt lở đất và ngày 24/8/2018, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 312/TB-VPCP thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp chính xác số hộ được hỗ trợ, đảm bảo đúng đối tượng gửi Bộ Tài chính, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8/2018.

Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang chỉ đạo các đơn vị chức năng khẩn trương xây dựng hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án tổng thể di dời dân cư khẩn cấp phòng chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, trong đó đề xuất các giải pháp căn cơ, lâu dài nhằm ổn định đời sống của người dân trong khu vực, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2018.

5. Cử tri Quan Sơn Đề nghị Chính phủ xem xét, tăng thêm chế độ chi hỗ trợ sinh hoạt phí cho Người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

Trả lời: (Công văn số 1024/UBND-CSĐT ngày 31/8/2018 của Ủy ban Dân tộc về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Giải quyết kiến nghị của cử tri và của các địa phương, Ủy ban Dân tộc đã phối hợp với các Bộ ngành tham mưu Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (có hiệu lực thi hành từ ngày 24/4/2018) thay thế Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó:

Nâng mức chi một số chính sách, như: Thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết của các dân tộc thiểu số từ 400.000đ/người/năm lên 500.000đ/người/lần, không quá 02 lần/người/năm; Thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín bị ốm đau từ mức chi quy định chung 400.000đ/người/năm được nâng lên theo cấp thăm hỏi: cấp Trung ương không quá 3.000.000đ/người/năm, cấp tỉnh không quá 1.500.000đ/người/năm và cấp huyện không quá 800.000đ/người/năm (điểm a và b Khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg).

Các nội dung chính sách và mức chi đối với người có uy tín quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sau khi được điều chỉnh hiện đã bằng với mức hỗ trợ tương ứng đối với đối tượng là người có uy tín được quy định tại Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thực hiện.

Vậy, Ủy ban Dân tộc xin thông báo để cử tri nắm được thông tin về chính sách mới ban hành.

6. Đề nghị Nhà nước hỗ trợ chế độ thu hút đối với lực lượng quân sự đang công tác trên các huyện biên giới, bám cơ sở giúp đỡ nhân dân xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở vững mạnh.

Trả lời: (Công văn số 8092/BQP-CT ngày 26/7/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các văn bản hướng dẫn thực hiện thì sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, kể cả người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong quân đội công tác ở vùng có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn như huyện đảo Trường Sa, Hoàng Sa, DK1, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp... đặc biệt khó khăn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thuộc đối tượng được xem xét, giải quyết hưởng chế độ phụ cấp thu hút theo quy định.

Ngoài ra, khi làm nhiệm vụ ở các địa bàn đảo xa đất liền và vùng biên giới có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn còn được hưởng chế độ phụ cấp đặc biệt theo quy định tại Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và chế độ phụ cấp khu vực theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

7. Luật Nghĩa vụ quân sự còn nhiều hạn chế, bất cập: Chế tài xử lý chưa nghiêm, chưa đủ sức răn đe. Đề nghị xem xét, trình sửa đổi để bổ sung các chế tài xử phạt nghiêm minh đối với những công dân trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự có tình chống lệnh, trốn nghĩa vụ quân sự.

Trả lời: (Công văn số 9179/BQP-TM ngày 20/8/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Về việc xử phạt những vi phạm về thực hiện nghĩa vụ (NVQS) được quy định chi tiết tại Nghị định 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quá trình thực hiện, đã có những kết quả nhất định; tuy nhiên, do mức độ xử phạt một số hành vi vi phạm còn nhẹ, chưa đủ mang tính răn đe; thực tế có những trường hợp sẵn sàng nộp phạt nhưng không bị cưỡng chế bắt buộc thực hiện NVQS, một số trường hợp cố tình vắng mặt tại địa phương để trốn tránh; những vi phạm đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bị truy tố đưa ra xét xử còn ít.

Để khắc phục những bất cập nêu trên, ngày 04/3/2018, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 700/QĐ-BQP về việc thành lập Ban soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; hiện nay, Ban soạn thảo đang hoàn chỉnh hồ sơ văn bản để trình Chính phủ xem xét, ban hành trong thời gian tới; theo đó, đã đề

xuất mức xử phạt cho phù hợp để ngăn ngừa, giảm những vi phạm của cá nhân và cơ quan, tổ chức về việc thực hiện NVQS.

8. Cử tri đề nghị xem xét chế độ hỗ trợ một lần cho đối tượng thanh niên xung phong còn tồn đọng.

Trả lời: (Công văn số 3328/BNV-CTTN ngày 18/7/2018 của Bộ Nội vụ về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước luôn quan tâm và đã ban hành nhiều chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, cụ thể:

1. Chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong hy sinh, bị thương, nhiễm chất độc hóa học được thực hiện theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

2. Chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong còn sống, thanh niên xung phong đã từ trần; chế độ trợ cấp hàng tháng, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ trợ cấp mai táng khi thanh niên xung phong từ trần được thực hiện theo các quy định:

a) Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước;

b) Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí đối với thanh niên xung phong chống Pháp;

c) Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (thay thế Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến);

d) Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ

Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

đ) Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cử sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.

3. Đối với lực lượng thanh niên xung phong tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế: Sau ngày 30/4/1975, ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố đã huy động, tổ chức lực lượng thanh niên xung phong tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, đội viên thanh niên xung phong đã được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước (kể từ khi nhập ngũ cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ) theo từng ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn hoạt động cụ thể. Do vậy, hiện nay Nhà nước chưa có chủ trương giải quyết chính sách đãi ngộ đối với đối tượng này.

Các chính sách đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới hiện nay đang được các địa phương và các bộ, ngành liên quan thực hiện theo quy định. Vì vậy, đối với những trường hợp thanh niên xung phong còn tồn đọng chưa được giải quyết chế độ, chính sách, đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa có ý kiến với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa để chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền của địa phương giải quyết theo quy định.

9. Cử tri đề nghị Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định thủ tục thực hiện đổi bằng Tổ quốc ghi công bị thất lạc cần cụ thể, nhanh chóng, thuận tiện.

Trả lời: (Công văn số 3093/BLĐTBXH-VP ngày 30/7/2018 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã và đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ đẩy nhanh công tác thẩm định, in Bằng, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công".

Trong gần 6 tháng đầu năm 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ký quyết định cấp đổi, cấp lại gần 10.000 Bằng "Tổ quốc ghi công" cho liệt sĩ thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước. Riêng tỉnh Thanh Hóa đề nghị cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 550 liệt sĩ đợt tháng 2/2018 và tháng 5/2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ.

10. Cử tri đề nghị Quốc hội, Chính phủ quan tâm đến các đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, do nhiều nguyên nhân mất giấy tờ gốc nên không được làm chế độ; Tăng mức trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng nuôi dưỡng thân nhân liệt sĩ; Giải quyết việc chậm, tồn đọng trong thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến trang bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Trả lời: (Công văn số 8093/BQP-CT ngày 26/7/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

1. Về thủ tục hồ sơ hưởng chế độ đối với người tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước không còn giấy tờ

Theo quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện thì thủ tục hồ sơ, giấy tờ đối với người được hưởng chế độ trợ cấp một lần không còn giấy tờ rất chặt chẽ nhưng thuận lợi và phù hợp thực tiễn; đối tượng hoặc thân nhân đối tượng chỉ cần làm bản khai theo mẫu nộp cho Hội đồng chính sách xã (phường) nơi cư trú để được xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Về đề nghị tăng mức trợ cấp hàng tháng đối với thân nhân liệt sĩ

Ngày 12/7/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2018/NĐ-CP quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Theo đó, kể từ ngày 01/7/2018 mức trợ cấp hàng tháng của thân nhân 01 liệt sĩ được điều chỉnh từ 1.417.000 đồng/tháng tăng lên 1.515.000 đồng/tháng, thân nhân của 02 liệt sĩ được điều chỉnh từ 2.834.000 đồng/tháng tăng lên là 3.030.000 đồng/tháng, thân nhân của 03 liệt sĩ trở lên được điều chỉnh từ 4.251.000 đồng/tháng tăng lên 4.545.000 đồng/tháng.

3. Về giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện; đã giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với gần 1.227.000 đối tượng, với số tiền gần 5.000 tỷ đồng; trợ cấp hàng tháng đối với trên 1.500 đối tượng; thực hiện chu đáo chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí theo quy định. Đến nay đã hoàn thành cơ bản việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng theo Quyết định nêu trên và đã tiến hành tổng kết toàn quốc tháng 12/2015; tuy nhiên, hiện nay còn tồn sót một số ít đối tượng chưa được

giải quyết chế độ do những nguyên nhân khác nhau, Ban Chỉ đạo 24 Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo, đề nghị các đơn vị, địa phương rà soát giải quyết dứt điểm chế độ đối với các đối tượng trong quý IV/2018.

IV. VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

1. Cử tri đề nghị Quốc hội cần lấy ý kiến rộng rãi của các tầng lớp đối với những dự án luật có phạm vi điều chỉnh lớn, có tác động sâu rộng đến đời sống xã hội, ảnh hưởng đến nhiều người dân cũng như tăng cường thông tin về hoạt động của Quốc hội, nhất là công tác xây dựng pháp luật để người dân hiểu quy trình xây dựng pháp luật của Quốc hội, những nội dung cơ bản của luật được Quốc hội thông qua hoặc cho ý kiến tại các kỳ họp trên các phương tiện thông tin đại chúng có nhiều người theo dõi.

***Trả lời:** (Công văn số 1662/UBPL14 ngày 5/9/2018 của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong quá trình soạn thảo dự án luật, cơ quan soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Bên cạnh đó, Luật còn quy định các hình thức lấy ý kiến đa dạng, phong phú như sau: đăng tải toàn văn dự thảo Luật và tờ trình trên cổng thông tin điện tử trong thời gian ít nhất là 60 ngày để lấy ý kiến, lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tạo điều kiện cho người dân và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan được tham gia một cách tốt nhất vào công tác xây dựng pháp luật.

Đối với những dự án luật có phạm vi điều chỉnh lớn, có tác động sâu rộng đến đời sống xã hội, ảnh hưởng đến nhiều người dân, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã quyết định việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân (ví dụ: Bộ luật dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Đất đai....) để đông đảo tầng lớp nhân dân được biết, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng vào văn bản, tạo đồng thuận cao trước khi Quốc hội thông qua.

2. Đề nghị Quốc hội tăng cường vai trò giám sát tối cao trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm..., xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

Trả lời: (Công văn số 1440/BC-UBTP14 ngày 16/8/2018 của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Trong thời gian qua, hoạt động giám sát nói chung, giám sát về công tác phòng, chống tham nhũng nói riêng của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đã được tăng cường, không ngừng cải tiến, đổi mới về phương thức giám sát nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác này. Qua hoạt động giám sát đã góp phần tạo chuyển biến rõ nét trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng; công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được tăng cường, nhiều vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, gây thất thoát lớn vốn và tài sản nhà nước tiếp tục được phát hiện và xử lý kịp thời; nhiều vụ việc liên quan đến vi phạm của những cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, tướng lĩnh trong Quân đội, Công an nhân dân..., kể cả những cán bộ đã về hưu cũng đều được đưa ra xử lý nghiêm minh. Qua đó, tạo được sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào quyết tâm chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, hoạt động giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội vẫn còn có mặt hạn chế, tình hình tham nhũng vẫn nghiêm trọng, diễn biến phức tạp. Do đó, tiếp thu ý kiến của cử tri, thời gian tới Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội sẽ tiếp tục tăng cường triển khai nhiều phương thức giám sát việc phòng, chống tham nhũng như tăng cường các hoạt động chất vấn, giải trình giám sát chuyên đề liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng; Ủy ban Tư pháp tăng cường giám sát việc xử lý đối với một số vụ án tham nhũng cụ thể; theo dõi, giám sát việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến cán bộ cấp cao... Trên cơ sở đó có đánh giá, làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân, các cấp, các ngành, các địa phương đối với các hạn chế, yếu kém trong công tác phòng, chống tham nhũng, nhằm tạo sự chuyển biến tích cực để đạt được mục tiêu “từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng”.

3. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, thu hút đầu tư vào các Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Khu chế xuất, đề nghị Quốc hội xem xét xây dựng Luật Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Khu chế xuất để triển khai thực hiện.

Trả lời: (Công văn số 5531/BKHĐT-TH ngày 13/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Hiện tại mô hình KCN, KCX, KKT đang được điều chỉnh bởi Luật Đầu tư, Nghị định của Chính phủ quy định về KCN, KKT và các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Đất đai, các luật thuế, Luật Bảo vệ môi trường,... Để đảm bảo tính ổn định và pháp lý cao của các quy định liên quan đến KCN, KKT, khắc phục được các vướng mắc giữa Nghị định về KCN, KKT với pháp luật chuyên ngành, đặc biệt là công tác phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước về KCN, KKT thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng việc xem xét, xây dựng Luật KCN, KKT là cần thiết và sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền đề xuất xây dựng Luật này trong thời gian thích hợp.

4. Luật Đầu tư công năm 2014 ra đời đã siết chặt hoạt động đầu tư công. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Luật Đầu tư công đã bộc lộ những khuyết điểm cần phải tiếp tục được hoàn thiện như: Phát sinh thêm các thủ tục, kéo dài thời gian thực hiện (dự án nhóm B sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ phải trình HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh 02 lần); chưa có quy định về trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn các nguồn vốn đầu tư công; các dự án cải tạo, sửa chữa có quy mô nhỏ, tổng mức đầu tư thấp tại các di tích quốc gia đặc biệt vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư... Để tạo thuận lợi cho các địa phương thực hiện hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đề nghị Quốc hội sớm sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công phù hợp với thực tế.

Trả lời: (Công văn số 5531/BKHĐT-TH ngày 13/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Hiện nay, Chính phủ đang hoàn thiện Dự thảo Dự án Luật Đầu tư công sửa đổi, dự kiến trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa 14 và dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa 14.

5. Khoản 4, Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 nghiêm cấm việc quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, quyết định của UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên, theo Khoản 4, Điều 27 của Luật thì HĐND tỉnh được ban hành “biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”. Để thi hành biện pháp có tính chất đặc thù cần phải có trình

tự, thủ tục thực hiện. Đề nghị Quốc hội sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 theo hướng cho phép HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành các thủ tục hành chính để thực hiện các chính sách do địa phương ban hành.

Trả lời: (Công văn số 3014/BTP-VP ngày 14/8/2018 của Bộ Tư pháp về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Ngày 28/11/2016, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 4218/BTP-VĐCXDPL trả lời về một số quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, trong đó hướng dẫn về áp dụng khoản 4 Điều 14 của Luật năm 2015. Theo Công văn trên, để thực hiện được biện pháp đặc thù quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật năm 2015 mà cần phải quy định về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, yêu cầu, điều kiện... thì việc quy định những nội dung này trong nghị quyết của HĐND cấp tỉnh là phù hợp với quy định “được giao trong luật”. Các trường hợp khác, VBQPPL của HĐND, UBND cấp tỉnh không được quy định thủ tục hành chính.

Đối với khoản 3 Điều 28 của Luật năm 2015, Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến của cử tri và sẽ tổng hợp để báo cáo Chính phủ, Quốc hội trong quá trình sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật năm 2015.

6. Quốc hội đã thông qua Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Để tạo thuận lợi triển khai thực hiện Luật, đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành Nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, nhất là sớm ban hành quy định danh mục các quy hoạch tích hợp (hoặc không tích hợp) trong năm 2018 để các cấp, các ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

Trả lời: (Công văn số 5531/BKHĐT-TH ngày 13/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

1) Về ban hành Nghị định hướng dẫn:

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và đã gửi xin ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ xem

xét ban hành tại tờ Trình số 3255/TTr-BKHĐT ngày 18/5/2018. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Thông báo số 222/TB-VPCP ngày 21/6/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với một số Bộ, ngành để thống nhất về nội dung một số quy hoạch ngành quốc gia quy định tại dự thảo Nghị định; dự kiến sẽ được hoàn thiện và trình Chính phủ xem xét thông qua tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 7 năm 2018.

2) Ban hành quy định danh mục các quy hoạch tích hợp (hoặc không tích hợp) trong năm 2018

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tiến hành rà soát danh mục các quy hoạch đề nghị tích hợp vào Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh trên cơ sở đề nghị của các Bộ, ngành và địa phương; đồng thời sẽ tiến hành làm việc với một số Bộ, ngành để thống nhất danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh. Dự kiến việc rà soát sẽ được hoàn thành trong tháng 7/2018 để báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định ban hành để các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện.

7. Theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới cấp tỉnh là đơn vị chủ trì xây dựng và đề xuất phân bổ kế hoạch vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, theo Điều 33 và 34 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ thì Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị chủ trì đề xuất phân bổ kế hoạch vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Để thuận lợi cho các địa phương trong quá trình thực hiện, đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh thống nhất 02 văn bản pháp luật này.

Trả lời: (Công văn số 5531/BKHĐT-TH ngày 13/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Theo quy định tại Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ, Sở, ban, ngành cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp huyện, xã căn cứ văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch đầu tư công năm sau báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định và tổng hợp.

Như vậy, việc chủ trì đề xuất phân bổ kế hoạch năm sau là nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp huyện, xã. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối tổng hợp và thẩm định.

Quy định này không mâu thuẫn với quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới cấp tỉnh là đơn vị chủ trì xây dựng và đề xuất phân bổ kế hoạch vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

8. Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13/8/2014 về hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nguyện vọng thành lập doanh nghiệp, DNNVV chiếm tối đa 30% tổng số khóa đào tạo; tuy nhiên, theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, NSNN hỗ trợ tối thiểu 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC theo hướng tăng hoặc bỏ quy định về “tỷ lệ số khóa đào tạo” đối với nội dung đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nguyện vọng thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa để phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

Trả lời: (Công văn số 5531/BKHĐT-TH ngày 13/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm g, khoản 1, điều 25 Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang gấp rút nghiên cứu, xây dựng Thông tư hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh, đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa (thay thế Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13/8/2014 về hướng dẫn trợ

giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa), để ban hành trong năm 2018.

Dự thảo Thông tư đang được xây dựng và sẽ gửi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

9. Theo Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, đơn vị chủ trì thẩm định các dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư; tuy nhiên, theo quy định tại Điều 30 và 31 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ thì Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị chủ trì thẩm định các dự án này. Đề nghị Chính phủ xem xét, sửa đổi thống nhất 02 Nghị định này.

***Trả lời:** (Công văn số 2027/BXD-HĐXD ngày 16/8/2018 của Bộ Xây dựng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Vấn đề này, hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trình dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ, trong đó có nội dung bãi bỏ quy định Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cấp huyện, cấp xã là đơn vị chủ trì thẩm định các dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

10. Đề nghị Chính phủ xem xét, sửa đổi Nghị định số 15/2015/NĐ-CP theo hướng đơn giản hóa các thủ tục và rút ngắn thời gian lựa chọn nhà đầu tư; đồng thời bổ sung các chế tài xử lý vi phạm đối với các dự án PPP.

***Trả lời:** (Công văn số 5531/BKHĐT-TH ngày 13/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

Ngày 04/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. Thông tư hướng dẫn Nghị định 63/2018/NĐ-CP đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng; dự thảo Thông tư đang được gửi lấy ý kiến rộng rãi (bằng văn bản và đăng trên website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), theo kế hoạch, Thông tư được hoàn thiện và ban hành vào tháng 9/2018.

11. Đề nghị Quốc hội sửa đổi Luật Đất đai, Luật Đầu tư, trong đó cần tăng thẩm quyền cho huyện. Các quy định trong 2 luật này có sự

chồng chéo, gây khó khăn cho người dân. Ví dụ, Điều 59 Luật Đất đai quy định UBND cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng tại Điều 32 của Luật Đầu tư thì quyết định này thuộc về UBND tỉnh.

Trả lời: (Công văn số 5342/BKHĐT-TH ngày 3/8/2018 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Điều 32 Luật Đầu tư quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.

Điều 59 Luật Đất đai quy định về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là hai quá trình độc lập (được thực hiện bởi 2 luật khác nhau). Sau khi quyết định chủ trương đầu tư, thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo quy định tại Điều 59 Luật Đất đai.

Kiến nghị nêu trên của cử tri tỉnh Thanh Hóa đã được Bộ Kế hoạch Đầu tư tổng hợp trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp và đã được Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục báo cáo nội dung nêu trên trong quá trình xây dựng dự án Luật.

12. Các dự án ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hiện nay đang được điều chỉnh bởi Luật Công nghệ thông tin và Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ; tuy nhiên, một số nội dung quy định chưa có sự thống nhất theo hướng dẫn của Luật đầu tư công và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công, như: Thủ tục thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công và tổng dự toán; quy định việc phân loại các dự án nhóm A, B, C; các bước triển khai thiết kế thi công... Đề nghị Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định thay thế Nghị định 102/2009/NĐ-CP về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để đảm bảo tính đồng bộ với Luật Đầu tư công hiện nay.

Trả lời: (Công văn số 2699/BTTTT-VP ngày 15/8/2018 của Bộ Thông tin Truyền thông về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Bộ Thông tin Truyền thông đang xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ Thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tháng 11/2017, dự thảo Nghị định đã được gửi xin ý kiến các thành viên Chính phủ. Hiện nay, Bộ Thông tin Truyền thông đang giải trình, tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, đảm bảo các quy định của dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, đồng thời tiếp tục phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

13. Cử tri đề nghị điều chỉnh Luật Giáo dục, xem xét việc miễn học phí cho cấp học mầm non, tăng cường dạy nghề và đào tạo nghề.

Trả lời: (Công văn số 3908/BGDĐT-VP ngày 30/8/2018 của Bộ Giáo dục Đào tạo về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

1. Về miễn học phí cho cấp học mầm non

Ngày 08/8/2018, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 104/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2018. Theo đó, Chính phủ thống nhất chủ trương thực hiện chính sách miễn giảm học phí đối với trẻ em mầm non 5 tuổi, học sinh trung học cơ sở trường công lập và hỗ trợ đóng học phí cơ sở ngoài công lập đối với trẻ em, học sinh diện phổ cập, đặc biệt là đối với các thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 29-NQ/TW (khóa XI); Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các địa phương xác định nhu cầu nguồn kinh phí thực hiện chính sách này theo lộ trình phù hợp.

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang phối hợp với Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội và các cơ quan liên quan tiếp tục hoàn thiện, chỉnh lý dự án Luật Giáo dục (sửa đổi), trong đó có việc bổ sung các chính sách được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 104/NQ-CP nêu trên vào dự thảo Luật trình Quốc hội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ghi nhận ý kiến của cử tri, thời gian tới sẽ phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề xuất chính sách miễn giảm học phí cho trẻ dưới 5 tuổi phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của Nhà nước.

2. Về tăng cường dạy nghề và đào tạo nghề

Quan điểm sửa đổi Luật Giáo dục hiện hành đảm bảo Luật Giáo dục là luật khung, đồng thời là nền tảng cho các Luật chuyên ngành như Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp... Do vậy, dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi) chỉ quy định nguyên tắc chung đối với giáo dục nghề nghiệp. Theo đó, Ban soạn thảo (bao gồm đại diện của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) đã bổ sung tiêu mục về giáo dục nghề nghiệp vào mục các cấp học và trình độ đào tạo để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các nội dung khác được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản dưới Luật.

Tiếp thu ý kiến của cử tri, Ban soạn thảo sẽ nghiên cứu xem xét trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi).

14. Đề nghị sớm sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy định về chế độ tiền công, tiền ăn, tiền thưởng của vận động viên, huấn luyện viên thể thao phù hợp với tình hình hiện nay vì công sức, thành tích đóng góp của họ đối với ngành thể thao nước nhà.

Trả lời: (Công văn số 3442/BVHTTDL-VP ngày 02/8/2018 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

1. Về chế độ tiền công, tiền thưởng của vận động viên, huấn luyện viên thể thao

Năm 2017, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu để thay thế Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi xin ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định trên. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam về việc điều chỉnh thẩm quyền ban hành văn bản (Công văn số 9224/VPCP-KGVX ngày 30/8/2017 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các Bộ liên quan điều chỉnh thể thức văn bản thành dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu. Sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn thiện và trình Chính phủ dự thảo Nghị định.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Dam tại Công văn số 1353/VPCP-KGVX ngày 06/02/2018 về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định; căn cứ nội dung Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2018 (Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 08/3/2018), theo đó: “Đồng ý về nguyên tắc nâng mức tiền công cho huấn luyện viên, vận động viên; giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan khẩn trương trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định trên cơ sở đảm bảo phù hợp với nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao và điều chỉnh mức tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu của huấn luyện viên, vận động viên quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị định dựa trên căn cứ mức lương cơ sở mới được áp dụng từ ngày 01/7/2018. Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang tổng hợp, tiếp thu ý kiến đóng góp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính để hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Về chế độ dinh dưỡng của vận động viên, huấn luyện viên thể thao

Trong thời gian qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Thông tư để thay thế Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC - BVHTTDL hướng dẫn chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao. Ngày 21/5/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 5847/BTC-HCSN gửi các Bộ, ngành và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành lấy ý kiến góp ý cho dự thảo Thông tư. Hiện nay, Bộ Tài chính đang tổng hợp, tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành và các địa phương để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

15. Theo Khoản 5, Điều 3 Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” thì “Kinh phí tổ chức lễ tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” không quá 01 tháng lương tối thiểu chung cho một trường hợp; lễ tang Bà mẹ Việt Nam anh hùng không quá 02 tháng lương tối thiểu chung cho 01 trường hợp”. Tuy nhiên, Nghị định không quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện. UBND tỉnh Đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể nội dung này để triển khai thực hiện đúng quy định.

Trả lời: (Công văn số 8091/BQP-CT ngày 26/7/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Để bảo đảm và thống nhất nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo quy định tại Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13; ngày 04/9/2014, Bộ Tài chính đã có Công văn số 12361/BTC- NSNN, hướng dẫn kinh phí chi thường cho Bà mẹ được tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và chi tổ chức lễ tang Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cụ thể như sau:

Về kinh phí tổ chức lễ tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, chi tổ chức lễ tang Bà mẹ Việt Nam anh hùng do ngân sách địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện.

16. Đề nghị Quốc hội nghiên cứu điều chỉnh sửa đổi Luật Sĩ quan Quân đội hoặc có văn bản quy định về việc tham gia đóng BHXH riêng đối với sĩ quan Quân đội.

Trả lời: (Công văn số 8042/BQP-CT ngày 26/7/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2016/NĐ-CP ngày 10/5/2016 “Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như quân nhân.

Tại Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động thuộc diện hưởng lương tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội, bao gồm:

- a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp Quân đội nhân dân;
- b) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân;
- c) Người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân (sau đây được viết tắt là người làm công tác cơ yếu).

2. Người lao động thuộc diện hưởng phụ cấp quân hàm hoặc sinh hoạt phí tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội, bao gồm:

- a) Hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân;
- b) Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ công an nhân dân; học viên công an nhân dân đang theo học được hưởng sinh hoạt phí;
- c) Học viên cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí.

3. Người hưởng chế độ phu nhân hoặc phu quân tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Khoản 4 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội.

4. Người lao động quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này trong thời gian đi học tập, thực tập, công tác, nghiên cứu, đi Điều dưỡng ngoài nước mà vẫn hưởng tiền lương hoặc phụ cấp quân hàm hoặc sinh hoạt phí ở trong nước và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định thì được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại Nghị định này.

5. Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại Khoản 3 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội, bao gồm:

- a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- b) Cơ quan, tổ chức có sử dụng người làm công tác cơ yếu;
- c) Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Tại Điều 8. Đối tượng và điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng

1. Người lao động quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Nghị định này khi nghỉ việc, được hưởng lương hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi và đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên;

b) Nam từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi, nữ từ đủ 45 tuổi đến đủ 50 tuổi và đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên;

c) Người lao động bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thi hành nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền giao, đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, không phụ thuộc vào tuổi đời.

2. Người lao động quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định này, đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, khi nghỉ việc được hưởng lương hưu nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Nam quân nhân có đủ 25 năm trở lên, nữ quân nhân có đủ 20 năm trở lên công tác trong Quân đội, trong đó có ít nhất 05 năm tuổi quân, mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng hoặc không chuyển ngành được. Thời gian công tác trong Quân đội bao gồm thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ

quan, binh sĩ, công nhân, viên chức quốc phòng, kể cả thời gian quân nhân chuyển ngành sau đó do yêu cầu nhiệm vụ được điều động trở lại phục vụ Quân đội;

b) Nam công an nhân dân có đủ 25 năm trở lên, nữ công an nhân dân có đủ 20 năm trở lên công tác trong công an nhân dân, trong đó có ít nhất 05 năm được tính thâm niên nghề công an nhân dân, mà công an nhân dân không còn nhu cầu bố trí hoặc không chuyển ngành được hoặc tự nguyện xin nghỉ. Thời gian công tác trong công an nhân dân bao gồm thời gian là sĩ quan; hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; học viên đang theo học được hưởng sinh hoạt phí, công nhân công an, kể cả thời gian công an nhân dân chuyển ngành sau đó do yêu cầu nhiệm vụ được điều động trở lại phục vụ công an nhân dân;

c) Người làm công tác cơ yếu có thời gian công tác trong tổ chức cơ yếu có đủ 25 năm trở lên đối với nam, đủ 20 năm trở lên đối với nữ, đã đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có ít nhất 05 năm làm công tác cơ yếu mà cơ quan cơ yếu không còn nhu cầu bố trí công tác trong tổ chức cơ yếu hoặc không chuyển ngành được. Thời gian công tác trong tổ chức cơ yếu bao gồm thời gian làm công tác cơ yếu, thời gian làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và thời gian là học viên cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí, kể cả thời gian người làm công tác cơ yếu chuyển ngành sau đó do yêu cầu nhiệm vụ được điều động trở lại phục vụ trong lực lượng cơ yếu.

Hiện nay, các chế độ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân đang thực hiện theo Nghị định này và không có vướng mắc.

17. Đề nghị Quốc hội quan tâm về việc trần quân hàm của sĩ quan ngành Hậu cần và Kỹ thuật so với sĩ quan Tham mưu và Chính trị (ví dụ: vị trí công tác cùng cấp nhưng lại kém hơn một bậc quân hàm).

Trả lời: (Công văn số 8787/BQP-TM ngày 11/8/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Quán triệt, triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam năm 2014 và quy định tại Khoản 2 Điều 11; Khoản 2, Khoản 5, Điều 15 Nghị định số 107/2015/NĐ-CP ngày 24/10/2015 của Chính phủ quy định chức vụ, chức danh tương đương và chức vụ, chức danh có cấp bậc quân hàm cao nhất là cấp tướng của Sĩ quan QĐND Việt Nam. Ngày 04/7/2017, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 160/2017/TT-BQP quy định chức vụ, chức danh tương đương và chức vụ, chức danh có cấp bậc quân hàm cao nhất là cấp úy, cấp tá của Sĩ

quan QĐND Việt Nam; trong đó, đã cụ thể hóa theo nguyên tắc cơ quan lãnh đạo, chỉ huy cao hơn cơ quan bảo đảm:

- Các cơ quan cấp sư đoàn và tương đương; cơ quan cấp chiến dịch, chiến lược thì xếp cấp bậc, quân hàm cơ quan lãnh đạo, chỉ huy (chính trị, tham mưu) cao hơn cơ quan bảo đảm (hậu cần, kỹ thuật) một bậc.

- Các cơ quan (tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật) thuộc các đơn vị còn lại (Lữ đoàn, Trung đoàn và tương đương) xếp cấp bậc, quân hàm ngang nhau.

18. Sau hơn 20 Pháp lệnh về dự bị động viên được ban hành và tổ chức thực hiện, vẫn còn bộc lộ một số bất cập sau:

- Pháp lệnh và văn bản có liên quan chưa quy định trường hợp được huy động lực lượng dự bị động viên để tham gia phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn tại địa phương. Trong khi đó, về nhiệm vụ nói trên là rất cao.

- Pháp lệnh và văn bản có liên quan chưa quy định việc tổ chức xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần...

- Chế độ chính sách đối với lực lượng dự bị động viên được Pháp lệnh quy định hiện hành đang còn nhiều bất cập; trong đó có chế độ phụ cấp trách nhiệm, chế độ, chính sách trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên chưa phù hợp.

- Chế độ chính sách cho công dân đăng ký vào ngạch dự bị đã được quy định tại Nghị định số 13/2016 của Chính phủ nhưng các Bộ, ngành liên quan chưa có Thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể về công tác bảo đảm và phân nguồn ngân sách bảo đảm nên địa phương chưa triển khai thực hiện được.

Đề nghị Quốc hội nghiên cứu, sớm thông qua và ban hành Luật dự bị động viên. Chính phủ, Bộ Quốc phòng và các bộ, ban, ngành có liên quan ban hành thống nhất văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành cụ thể để các địa phương tổ chức thực hiện.

Trả lời: (Công văn số 8787/BQP-TM ngày 11/8/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

a) Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên năm 1996, là cơ sở pháp lý quan trọng để các cấp, các ngành và địa phương tổ chức xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên. Tuy nhiên, sau hơn 20 năm triển khai, tổ chức thực hiện Pháp lệnh đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập trước yêu cầu thực tiễn;

nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, đòi hỏi ban hành Luật lực lượng dự bị động viên thay thế Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên thực hiện quy định Hiến pháp năm 2013, nhằm điều chỉnh, bổ sung quy định phù hợp với thực tiễn.

Ngày 01/6/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 19/CT-TTg về việc Tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên (1996-2016). Trên cơ sở đó, ngày 18/6/2016, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã Quyết định ban hành Kế hoạch số 2373/QĐ-BQP về việc tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên; theo đó, công tác tổ chức tổng kết được thực hiện từ cấp xã, phường, thị trấn đến cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trong Quân đội tập trung tổng kết từ cấp Lữ đoàn và tương đương đến Bộ Quốc phòng. Được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27/12/2016, Bộ Quốc phòng đã tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên trên phạm vi toàn quốc; thông qua tổng kết các đơn vị, địa phương đã thống nhất cao và đề nghị nâng Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên thành Luật lực lượng dự bị động viên nhằm khắc phục những bất cập như kiến nghị của cử tri nêu trên.

Hiện nay, Dự án Luật lực lượng dự bị động viên đã được Quốc hội nhất trí đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 (Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 08/6/2018 của Quốc hội khóa 14, Kỳ họp thứ 5 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018). Dự kiến sẽ thông qua Quốc hội tại 02 kỳ họp: Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2019), Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019); đồng thời, Bộ Quốc phòng đang chỉ đạo nghiên cứu, dự thảo các văn bản hướng dẫn triển khai, thực hiện bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Dự án Luật.

b) Về chế độ, chính sách đối với công dân đăng ký vào ngạch dự bị.

- Điều 11, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự, đã quy định như sau:

"Điều 11. Chế độ chính sách của công dân trong thời gian thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự

1. Công dân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhà nước trong thời gian thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự được hưởng nguyên lương, phụ cấp và tiền tàu xe đi, về theo chế độ quy định hiện hành của pháp luật.

2. Công dân không thuộc các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhà nước trong thời gian thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự được đảm bảo các chế độ sau:

a) Tiền ăn bằng mức tiền một ngày ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh;

b) Thanh toán tiền tàu xe đi về theo chế độ quy định hiện hành của pháp luật.

1. Chế độ chính sách quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện đối với các trường hợp công dân trong thời gian thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu, đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị.

Điều 13. Thực hiện chi trả chế độ

1. Nguyên tắc hưởng chế độ

Thời gian đi, về và thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc khám, kiểm tra sức khỏe từ 4 giờ trở lên trong ngày được tính cả ngày; dưới 4 giờ trở xuống tính 1/2 ngày.

2. Trách nhiệm chi trả

a. Công dân làm việc tại cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhà nước khi thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự; khám, kiểm tra sức khỏe theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chi trả;

b. Công dân không thuộc các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhà nước khi thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự do Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chi trả và thanh quyết toán với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

c. Công dân không thuộc cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhà nước khi thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện chi trả.

Điều 14. Nguồn ngân sách bảo đảm

1. Kinh phí thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự; khám, kiểm tra sức khỏe theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện cho công dân làm việc tại cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 13 Nghị định này do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự cho công dân không thuộc các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 13 Nghị định này do ngân sách địa phương đảm bảo.

3. Kinh phí thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện cho công dân không thuộc các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều 13 Nghị định này do ngân sách Nhà nước cấp cho Bộ Quốc phòng đảm bảo.

Như vậy, Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ đã quy định cụ thể chế độ, chính sách đối với công dân đăng ký vào ngạch dự bị về công tác bảo đảm và phân nguồn ngân sách bảo đảm cho địa phương triển khai, thực hiện; các bộ, ngành không phải ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện.

19. Luật Dân quân tự vệ và một số văn bản quy định chi tiết có những nội dung không đồng nhất với các đạo luật khác và có những nội dung không sát thực tiễn, việc thực hiện gặp khó khăn trên một số nội dung sau:

- *Về đăng ký quản lý công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ:* Theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Luật Nghĩa vụ quân sự, tháng 4 hàng năm công dân vừa phải đăng ký nghĩa vụ quân sự, vừa phải đăng ký nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ lần đầu gây lãng phí thời gian, tốn kém kinh phí (đặc biệt với những huyện miền núi, việc đi lại khó khăn). Đề nghị thống nhất lại nội dung này cho phù hợp với thực tiễn.

- *Về thời gian thực hiện nghĩa vụ dân quân tự vệ:* Thực tế công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân tự vệ đi làm xa nhiều, số công dân trong độ tuổi có công việc ổn định ở địa phương rất ít nên việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gặp nhiều khó khăn. Đề nghị tăng lên 5 năm thay cho 4 năm và kéo dài độ tuổi tham gia dân quân tự vệ.

- *Về hoạt động của dân quân tự vệ:* Việc quy định chi tiết nội dung hoạt động của dân quân tự vệ như trong Luật hiện hành dẫn tới tình trạng không điều chỉnh được toàn diện nhiệm vụ của dân quân tự vệ trong các hoạt động. Đề nghị chỉ nên quy định trong Luật các hoạt động cơ bản, có tính khái quát. Đồng thời, có văn bản hướng dẫn cụ thể hoạt động phối hợp giữa lực lượng dân quân biển với Hải quân, Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư và các lực lượng chức năng.

- *Phân cấp nhiệm vụ chi và trách nhiệm bảo đảm ngân sách cho dân quân tự vệ:* Quy định kinh phí bảo đảm cho dân quân biển, dân quân thường trực, xây dựng công trình chiến đấu cho dân quân thuộc nhiệm vụ chi của địa phương là không thực hiện được, cần quy định do ngân sách Trung ương bảo đảm.

Đề nghị Quốc hội sửa đổi Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12 để khắc phục những vướng mắc, bất cập đã nêu ở trên và phù hợp với Hiến pháp năm 2013 cũng như các văn bản pháp luật hiện hành.

Trả lời: (Công văn số 8280/BQP-TM ngày 31/7/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Tại các Điều 10, 13, 38, 39, 40, 41, 42, 43 và Điều 54 Luật Dân quân tự vệ 2009 quy định: Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ trong thời bình; đăng ký quản lý dân quân tự vệ; hoạt động của dân quân tự vệ; phân cấp nhiệm vụ chi của địa phương.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện gặp nhiều vướng mắc bất cập, một số nội dung còn trùng lặp, dẫn tới chưa rõ trách nhiệm trong việc bảo đảm, ảnh hưởng đến chất lượng quản lý, huấn luyện, hoạt động, chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ, gây lãng phí thời gian, tốn kém kinh phí. Nhất là các địa phương còn khó khăn, không bảo đảm được. Bộ Quốc phòng tiếp thu kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, trình Quốc hội sửa đổi Luật Dân quân tự vệ cho phù hợp với điều kiện thực tiễn (dự kiến trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV).

20. Tại điểm 7, Điều 31, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2008 và năm 2014 quy định “Sĩ quan tại ngũ được bảo đảm nhà ở, đăng ký hộ khẩu theo quy định của Chính phủ”. Tuy nhiên, việc triển khai bảo đảm chế độ nhà cho sĩ quan ở các đơn vị thực hiện rất khó khăn, như: Quỹ đất để thực hiện nhà ở cho sĩ quan khó khăn, địa phương chưa thể bảo đảm được; nếu xây dựng nhà công vụ thì việc chuyển vợ con ở quê đến sẽ ảnh hưởng đến công việc của vợ, hơn nữa, sĩ quan thường xuyên phải luân chuyển đơn vị, địa bàn do yêu cầu nhiệm vụ. Đề nghị Chính phủ hỗ trợ theo tiền lương hàng tháng hoặc hỗ trợ một lần.

Trả lời: (Công văn số 8042/BQP-CT ngày 26/7/2018 của Bộ Quốc phòng về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Thực hiện điểm 7, Điều 31 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ Quốc phòng đã có nhiều chủ trương, giải pháp nhằm bảo đảm chính sách về nhà ở cho cán bộ, sĩ quan cụ thể:

- Về nhà ở chính sách, nhà ở công vụ

Bộ Quốc phòng đã ban hành các Thông tư số 196/2010/TT-BQP ngày 26/11/2010 và Thông tư số 177/2011/TT-BQP ngày 19/9/2011 quy định về thực hiện chính sách nhà ở đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Thực hiện các thông tư nói trên, Bộ Quốc phòng đã đầu tư xây dựng nhiều dự án nhà ở chính sách và nhà ở công vụ, góp phần ổn định hậu phương gia đình cán bộ. Song, do nhu cầu về nhà ở lớn, trải rộng trên toàn quốc, trong khi nguồn vốn đầu tư có hạn nên chưa thể đáp ứng theo nhu cầu. Thời gian tới Bộ Quốc phòng sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng các dự án nhà ở chính sách, nhà ở xã hội để tiếp tục giải quyết khó khăn về nhà ở đối với sĩ quan tại ngũ.

- Về phụ cấp nhà ở đối với sĩ quan

Các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng đang nghiên cứu, xây dựng dự thảo nghị định về chế độ phụ cấp nhà ở đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp để trình Chính phủ ban hành.

21. Tại điểm 4, Điều 30 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, cụ thể như sau:

- Thương binh đã giám định có vết thương sau đây tái phát thì được giám định lại:

a. Vết thương sọ não bị khuyết xương sọ hoặc còn mảnh kim khí trong sọ gây biến chứng dẫn đến rối loạn tâm thần hoặc liệt;

b. Vết thương thấu phổi gây biến chứng dày dính màng phổi hoặc xẹp phổi dẫn đến phải cắt phổi hoặc thùy phổi;

c. Vết thương ở tim dẫn đế phải phẫu thuật;

d. Vết thương ổ bụng: Dạ dày hoặc ruột gây biến chứng ở dạ dày hoặc dính tắc ruột phải phẫu thuật;

đ. Vết thương ở gan; mật, lách; tụy hoặc thận gây biến chứng phải phẫu thuật;

e. Vết thương cột sống biến chứng gây liệt hoặc rối loạn cơ tròn đại tiêu không tự chủ;

g. Các vết thương ở tay hoặc ở chân tái phát phải phẫu thuật cắt đoạn chi;

h. Vết thương ở mắt tái phát dẫn đến mù mắt; vết thương ở tai gây mất hoàn toàn sức nghe hai tai.

Tuy nhiên, những đối tượng đã giám định thương tật dưới 21% không thuộc những điểm trên đang còn rất nhiều, do tuổi cao, sức yếu, di chứng chiến tranh để lại, nhiều trường hợp vết thương tái phát. Vì vậy, cần bổ sung văn bản, hướng dẫn để giám định thương tật cho đối tượng này do phát thương tái phát.

- Đối với bệnh binh: Những đối tượng được công nhận bệnh binh được thể hiện trong Quyết định phục viên, xuất ngũ; biên bản giám định có tỷ lệ mất sức lao động từ 41% trở lên hoặc do điều kiện khách quan hoặc thất lạc giấy tờ nên không được hưởng chế độ bệnh binh. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện.

***Trả lời:** (Công văn số 3094/BLĐTBXH-VP ngày 30/7/2018 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)*

1. Đối với thương binh: Tiếp thu ý kiến của cử tri, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ xem xét, đề xuất bổ sung chế độ khám giám định lại thương tật đối với đối tượng người bị thương có tỷ lệ thương tật dưới 21% khi xây dựng Pháp lệnh thay thế Pháp lệnh Ưu đãi người có công.

2. Đối với bệnh binh: Theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì bệnh binh là quân nhân, công an nhân dân mắc bệnh làm suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên khi xuất ngũ về gia đình được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp "Giấy chứng nhận bệnh binh" thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ.

Việc giải quyết chế độ bệnh binh 3 (suy giảm khả năng lao động dưới 41%) được thực hiện theo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trước đây và đã qua nhiều lần rà soát. Hiện nay, những trường hợp đã hưởng hoặc chưa hưởng nhưng không còn giấy tờ theo quy định thì chưa có cơ sở để xem xét việc hưởng lại chế độ bệnh binh.

22. Cử tri ngành Kiểm sát đề nghị các cơ quan Trung ương ban hành Văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và các quy định có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 để tạo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật.

Trả lời: (Công văn số 3365/VKSTC-V14 ngày 13/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV; Công văn số 3014/BTP-VP ngày 14/8/2018 của Bộ Tư pháp về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Để triển khai thi hành Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018), các bộ, ngành có liên quan đang khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng các văn bản hướng dẫn 02 bộ luật nêu trên. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được giao chủ trì soạn thảo 08 Thông tư liên tịch quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bao gồm:

1. Thông tư liên tịch quy định phối hợp trong báo cáo, thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

2. Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm (thay thế Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 01/7/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm).

3. Thông tư liên tịch hướng dẫn quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (thay thế Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003).

4. Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung (thay thế Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung).

5. Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên (thay thế Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLDTBXH ngày 12/07/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên).

6. Thông tư liên tịch hướng dẫn quan hệ phối hợp giữa các Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố (thay thế Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-VKSTC-TTTP-BCA-BQP ngày 22/3/2012 quy định về quan hệ phối hợp giữa các Cơ quan thanh tra, Cơ

quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố).

7. Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự về các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

8. Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo (thay thế Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BQP-BTP ngày 10/8/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo).

Đến nay, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các bộ, ngành có liên quan đã ký ban hành 04 Thông tư liên tịch, bao gồm:

1. Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13/12/2017 quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

2. Thông tư liên tịch số 02/2017 TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

3. Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BTP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/4/2018 quy định phối hợp trong việc báo cáo, thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

4. Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo.

Đối với 04 Thông tư liên tịch khác, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đang tích cực hoàn thiện, xin ý kiến các bộ, ngành lần cuối trước khi ban hành; dự kiến ký ban hành trong Quý III/2018.

* Đối với các văn bản hướng dẫn do các bộ, ngành khác chủ trì soạn thảo, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã tích cực, phối hợp tham gia trong quá trình xây dựng, đến nay, đã ban hành các văn bản sau:

1. Nghị định số 115/2017/NĐ-CP ngày 16/10/2017 quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền phạt nhân thương mại phải nộp để bảo đảm thi hành án; việc tạm giữ, hoàn trả, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã nộp.

2. Nghị định số 127/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng.

3. Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015.

4. Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

5. Nghị định số 37/2018/NĐ-CP ngày 10/3/2018 quy định chi tiết thi hành các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự.

6. Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

7. Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2018 quy định về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

8. Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa.

9. Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

10. Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 09/02/2018 quy định phối hợp thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tha tù trước thời hạn có điều kiện.

11. Thông tư liên tịch số 05/2018//TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/6/2018 quy định về việc phối hợp thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

12. Thông tư liên tịch quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm.

13. Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

14. Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS số 100/2015/QH13.

15. Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Bộ luật Tố tụng hình sự.

16. Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật Hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện.

17. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

18. Thông tư số 02/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy chế tổ chức phiên tòa.

19. Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về phòng xử án.

20. Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự.

21. Thông tư số 13/2018/TT-BCA ngày 09/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định tối thiểu cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự.

* Đối với các văn bản hướng dẫn các quy định có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 thì Tòa án nhân dân tối cao, khi cần thiết, có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các điều, khoản, điểm trong Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ lưu ý kiến nghị này của cử tri trong quá trình Tòa án nhân dân tối cao xây dựng văn bản hướng dẫn.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa có thể trao đổi trực tiếp với Tòa án nhân dân tối cao.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đã chủ động ban hành văn bản hướng dẫn các quy định có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 trong ngành Kiểm sát nhân dân, gồm Công văn số 5003/VKSTC-V14 ngày 02/12/2016 về việc hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội, Công văn số 172/VKSTC-V14 ngày 18/01/2016 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung trong Nghị quyết thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, Công văn số 3010/VKSTC-V14 ngày 09/8/2017 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung trong Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Công văn số 3014/BTP-VP ngày 14/8/2018 của Bộ Tư pháp về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV, Bộ Tư pháp trả lời như sau:

Để áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong thời gian qua, một số VBQPPL đã được ban hành như: Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật Hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 10/3/2018 quy định chi tiết thi hành các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự; Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Riêng đối với Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 3 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự đã quy định: “Giao Tòa án nhân dân tối cao thông qua tổng kết việc áp dụng pháp luật, giám đốc việc xét xử bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các quy định về “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”, “số lượng lớn”, “số lượng rất lớn”, “số lượng đặc biệt lớn”, “giá trị lớn”, “giá trị rất lớn”, “giá trị đặc biệt lớn”; khi cần thiết, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các điều, khoản, điểm khác trong Bộ luật Hình sự năm 2015”.

Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao cũng đang chủ trì xây dựng một số Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 liên quan đến các lĩnh vực như mua bán người, rửa tiền, sở hữu trí tuệ, bảo hiểm, động vật hoang dã quý hiếm...

23. Cử tri đề nghị các cơ quan Trung ương ban hành Văn bản hướng dẫn thống nhất việc thực hiện các quy định về giải quyết án ma túy như: quy định cụ thể như thế nào là quả thuốc phiện tươi, quả thuốc phiện khô; quy định trong việc áp dụng mức hình phạt tại khoản 4 Điều 248, 249, 250, 251, 252 Bộ luật Hình sự 2015.

Trả lời: (Công văn số 1958/BCA-V01 ngày 22/8/2018 của Bộ Công an về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Các Điều 249, 250, 251, 252 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có chế tài xử phạt các tội danh liên quan đến quả thuốc phiện tươi, quả thuốc phiện khô nhưng hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn thế nào là “quả thuốc phiện tươi”, “quả thuốc phiện khô”, gây khó khăn cho việc thực hiện trong thực tế. Tiếp thu kiến nghị của cử tri, thời gian tới, Bộ Công an sẽ phối hợp với các ngành chức năng nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, bảo đảm thống nhất trong việc giải quyết án ma túy.

24. Cử tri ngành Kiểm sát đề nghị các cơ quan Trung ương ban hành Văn bản hướng dẫn về việc thu thập thông tin, tài liệu trong quá trình xác minh giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố như: quy định về việc cung cấp thông tin có liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng; quy định về việc trưng cầu giám định. Văn bản hướng dẫn quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc mà vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai.

Trả lời: (Công văn số 1934/BCA-V01 ngày 22/8/2018 của Bộ Công an về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV)

Việc thu thập thông tin, tài liệu trong quá trình điều tra, xác minh giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là hoạt động tố tụng hình sự, được quy định tại Khoản 3, Điều 145; Khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 5 Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của Chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng; Điều 9 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA- BQP-BTC-BNN&PTNN-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố.

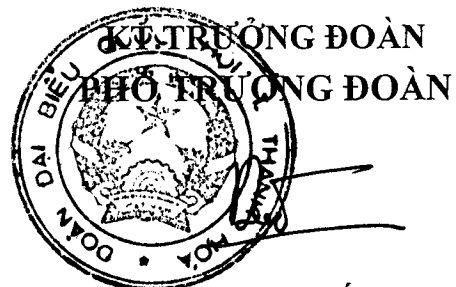
Hiện nay, Chính phủ đã giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 70/2000/NĐ-CP, trong đó các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để phục vụ công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Dự thảo Nghị định đã trình Thủ tướng Chính phủ.

Tại Điều 205 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “*Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 206 của Bộ luật này hoặc khi xét thấy cần thiết thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định*”. Thực tế giải quyết các vụ án, vụ việc, định giá đối với vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai là cần thiết để xác định các yếu tố cấu thành tội phạm, định khung hình phạt theo quy định tại Điều 234, 244 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, do các loại động vật này thuộc loại cấm săn bắt, mua bán trên thị trường nên không thể tiến hành giám định và định giá. Do đó, cần nghiên cứu các quy định hướng dẫn chi tiết về các trường hợp phải trưng cầu giám định, tạo thuận lợi cho việc xử lý vật chứng theo quy định tại Điều đ, Khoản 3, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: “*Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao ngay cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật*”. Hiện nay, Bộ Công an đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành chức năng xây dựng Thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp, hướng dẫn một số hoạt động giám định tư pháp trong tố tụng hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong thời gian tới, Bộ Công an sẽ chỉ đạo các đơn vị chức năng đẩy nhanh tiến độ xây dựng Thông tư liên tịch nêu trên để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Trên đây là kết quả giải quyết và trả lời của các Bộ, ngành Trung ương về những kiến nghị của cử tri Thanh Hóa gửi tới Kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XIV. Đoàn ĐBQH Thanh Hóa tổng hợp báo cáo cử tri./.

Nơi nhận:

- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh (B/c);
- Các vị ĐBQH (B/c với cử tri);
- Báo Thanh Hóa;
- Lưu: VPĐDBQH.



Mai Sỹ Diễn